



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Địa Chỉ: 929-931 Quốc Lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Website: www.imecovn.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP



2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



THÔNG TIN CHUNG

1

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

19

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

51



MỤC LỤC

59

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

65

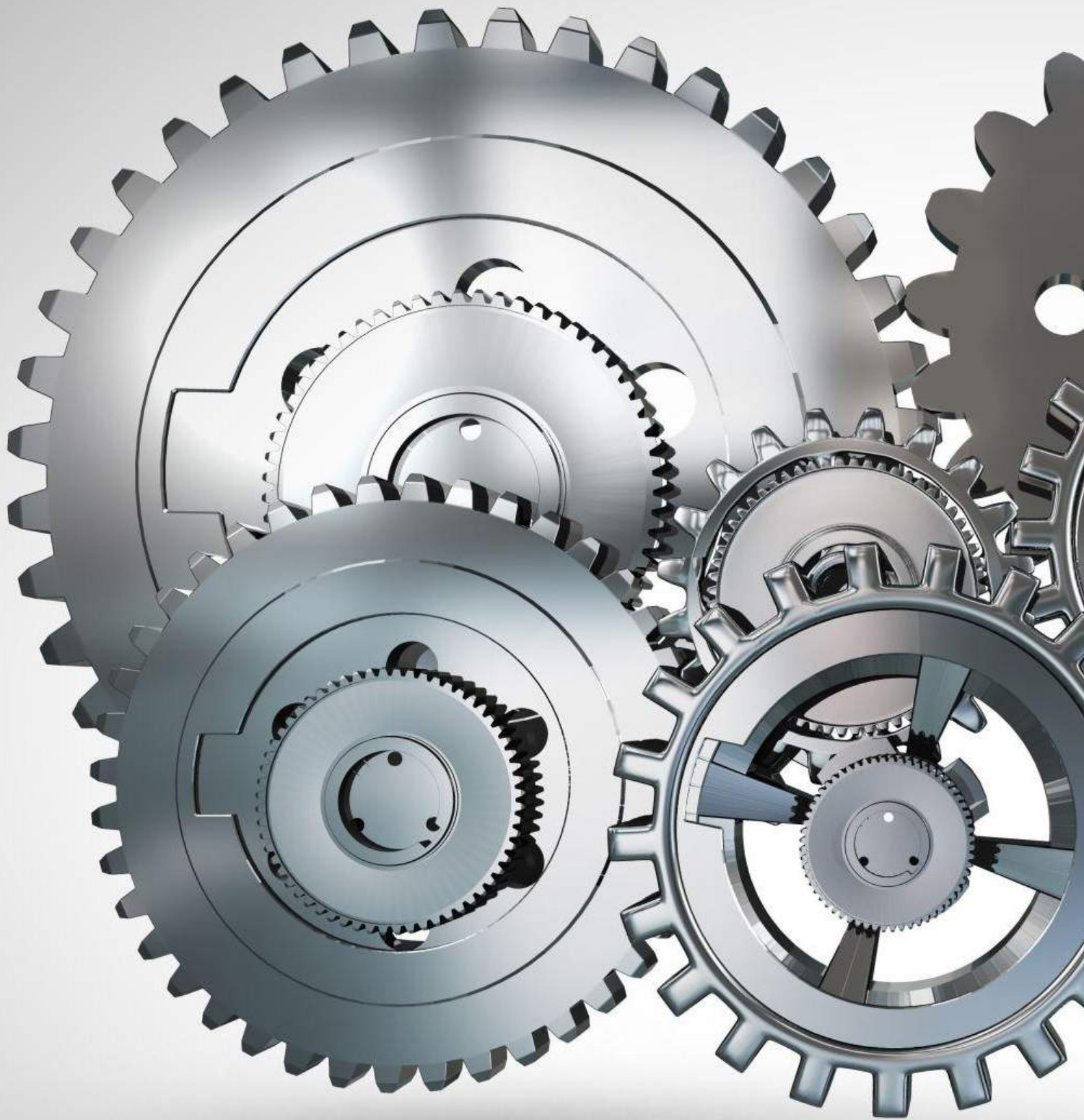
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

71

QUẢN TRỊ CÔNG TY

77

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN





THÔNG TIN CHUNG

- 1. Thông tin khái quát**
- 2. Quá trình hình thành và phát triển**
- 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- 4. Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức**
- 5. Định hướng phát triển**
- 6. Rủi ro**



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | |
|----------------------------|--|
| Tên công ty: | CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP |
| Tên giao dịch: | MECHANICAL AND INDUSTRIAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt: | IMECO JSC. |
| Giấy CNĐKDN số: | 0300628797 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 vào ngày 14/07/2016 |
| Vốn điều lệ: | 35.999.480.000 VNĐ |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 35.999.480.000 VNĐ |
| Địa chỉ: | 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh |
| Số điện thoại: | (028) 3717 3237 |
| Số fax: | (028) 3717 3201 |
| Website: | http://www.imecovn.com.vn |
| Email: | imeco@hcm.vnn.vn |
| Mã cổ phiếu: | IME |

Logo





CÁC MỐC LỊCH SỬ VÀ NHỮNG THÀNH TỰU

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) là một trong những công ty tiêu biểu trong ngành cơ khí của Việt Nam. IMECO khởi nghiệp từ Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình chuyên chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị, gia công cơ khí phục vụ cho Ngành Bột ngọt Mì ăn liền vào ngày 20/08/1979. Sau hơn 38 năm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có một bước chuyển mình quan trọng khi chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Nhà nước sang Công ty cổ phần vào tháng 07/2005. Đến nay, trải qua chặng đường hơn 11 năm sau chuyển đổi, IMECO đã và đang khẳng định vị thế, uy tín của mình trong ngành cơ khí nói chung cũng như trong niềm tin từ phía đối tác, cổ đông của mình nói riêng. Những cột mốc quan trọng ghi dấu chặng đường nỗ lực vươn tầm phát triển của IMECO như sau:

1979



Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được thành lập vào ngày 20/08/1979, là tiền thân của Xí Nghiệp Cơ điện Tân Bình - thành viên Liên hiệp Bột ngọt Mì ăn liền, trực thuộc Bộ Nông Nghiệp và Công Nghiệp Thực phẩm.

1992



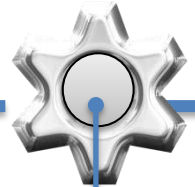
Xí Nghiệp Cơ Điện Tân Bình được bộ chủ quản là Bộ Công Nghiệp Nhẹ đổi tên thành Nhà máy Cơ Khí - Thực Phẩm theo Quyết định số 524/CNN-TCLĐ ngày 02/07/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1993



Ngày 07/05/1993, Nhà máy Cơ Khí Thực phẩm được thành lập theo Quyết định số 448/CNn-TCLĐ của Bộ Công nghiệp nhẹ.

1996



Theo Quyết định số 1409/QĐ-TCCB của Bộ Công Nghiệp, Nhà máy Cơ khí thực phẩm được đổi thành Công ty Cơ khí thực phẩm.



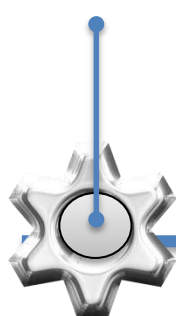
Ngày 12/08/1999, theo Quyết định số 52/1999/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp Công ty Cơ khí Thực phẩm đổi thành Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp trực thuộc Tổng Công ty máy và Thiết bị Công nghiệp.

Ngày 05/05/2004, theo Quyết định số 32/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

Tháng 7/2005 theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp, Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp theo Giấy CNĐKKD: 0300628797 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp ngày 16/01/2006 và thay đổi lần 4 ngày 13/04/2012.



1999



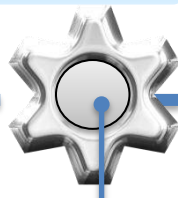
2004



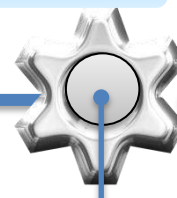
2005



2017



2015



2009

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã đưa toàn bộ 3.599.948 cổ phần phổ thông vào giao dịch tập trung tại sàn UPCOM.

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) chính thức đưa cổ phiếu công ty giao dịch tập trung tại sàn UPCOM và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01/12/2009. Mã cổ phiếu: IME. Tổng giá trị đăng ký giao dịch lần đầu là 30 tỷ đồng.

THÀNH TÍCH

Thành tích đạt được

Trong quá trình phát triển từ khi cổ phần hoá đến nay với những thành tích đạt được, IMECO đã vinh dự nhận được các phần thưởng:

Năm 2006:

- + Bằng khen của Bộ Công Thương trao tặng
- + Bằng khen của Công đoàn TP.HCM
- + Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh

Năm 2007

- + Cờ thi đua của Công đoàn Bộ Công Thương
- + Bằng khen của UBND TP.HCM
- + Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh

Năm 2008

- + Bằng khen của Bộ Công Thương trao tặng
- + Cờ thi đua của Chính phủ trao
- + Bằng khen của Công đoàn Bộ Công Thương
- + Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh

Năm 2009

- + Huân chương lao động hạng II do nhà nước trao tặng
- + Bằng khen của Bộ Công Thương trao tặng
- + Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh
- + Bằng khen của Công đoàn TP.HCM
- + IMECO được cấp "Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng toàn diện QC 100 TQM" của tổ chức BID tại Geneva Thụy Sĩ

Năm 2010:

- + Đảng bộ Công ty được Đảng ủy khối công nhận Đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh
- + Cờ thi đua của Công đoàn Bộ Công Thương
- + Cúp thương hiệu mạnh do Bộ Công Thương trao tặng
- + Bằng khen của Bộ Công thương

Năm 2011

- + Cờ thi đua của Bộ Công thương trao tặng

Năm 2012

- + Bằng khen của Thủ tướng chính phủ
- + Bằng khen của Bộ Công thương

Năm 2013: Bằng khen của Bộ Công thương

Năm 2014:

- + Huân chương Lao động hạng nhất
- + Bằng khen của UBND TP.HCM

Năm 2015:

- + Danh hiệu "Điển hình tiên tiến 5 năm" do Bộ trưởng Bộ Công Thương trao tặng
- + Được Bộ Công Thương trao tặng bằng khen



ĐẠT ĐƯỢC

CERTIFICATE

Conformity of the Factory Production Control
0035-CPR-1090-1.00981.TUVrh.2015.001

In compliance with Regulation 305/2011/EU of the European Parliament and of the Council of 9 March 2011 (the Construction Products Regulation or CPR), this certificate applies to the following construction product:

| | |
|--------------------------------|---|
| Construction product | Structural components and kits for steel structures to EXC4 according to EN 1090-2 |
| Intended use | for load-bearing structures in all types of buildings |
| CE - marking method | ZA.3.2 and ZA.3.4 acc. to EN 1090-1:2009+A1:2011 |
| Range of production | see reverse produced by or for |
| Manufacturer | Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company Dao Trinh Nhat Street, Linh Tay Ward, Thu Duc District Ho Chi Minh City VIET NAM |
| Manufacturing plant | Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company Dao Trinh Nhat Street, Linh Tay Ward, Thu Duc District Ho Chi Minh City VIET NAM |
| Confirmation | This certificate attests that all provisions concerning the assessment and verification of constancy of performance described in Annex ZA of the harmonised standard EN 1090-1:2009+A1:2011 under system Z+ are applied, and that the factory production control fulfills all the prescribed requirements stated therein. |
| Start of validity | 20.01.2015 |
| Next Surveillance audit | 19.01.2016 |
| Period of validity | This certificate will remain valid as long as the test methods and/or the factory production control requirements included in the harmonised standard used to assess the performance of the declared characteristics do not change, and the product and the manufacturing conditions in the plant are not mutually significantly. |
| Remarks | see reverse |
| Place and date of issue | Cologne, 20.01.2015 Joo-Ho Eom/Na |

www.tuv.com







CERTIFICATE OF APPROVAL

Lloyd's Register Quality Assurance hereby certifies that the company:

Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company (IMECO)

Dao Trinh Nhat Street, Linh Tay Ward, Thu Duc District,
Ho Chi Minh City, Vietnam

has furnished proof to fulfil the quality requirements for welding according to:

ISO 3834 - 2 : 2005

in the extent mentioned on the schedule of this certificate.


This certificate is valid only in association with the certificate schedule bearing the same number on which the locations applicable to this approval are listed.

| | | |
|--------------------------|---------------------|--------------------|
| Approval Certificate No: | Original Approval | : 28 November 2012 |
| SMG014867 | Current Certificate | : 28 November 2012 |
| | Certificate Expiry | : 27 November 2015 |


Issued by Lloyd's Register Nederland B.V.



This document is subject to the provision on the cover
Wisma-Qad 170, 3812 MC, Borsarijn, The Netherlands - Kif. nr. 24267548
The approval certificate is void without the original document and certificate provisions are not applicable to it.



DNV BUSINESS ASSURANCE

MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATE

Certificate No. 139379-2013-AQ-VNM-RvA

This is to certify that:

Mechanical & Industrial Construction Joint Stock Company (IMECO)


929-931 1A National Road, Thai An Ward, District 12, Ho Chi Minh City, Viet Nam

has been found to conform to the Management System Standard:


ISO 9001:2008

This Certificate is valid for the following product or service ranges:

- Manufacture of Production line for Food processing, Chemical, Fertilizer, Animals feed, Petro and Gas Industries;
- Design, Manufacture of Boiler, Pressure vessels for Food processing, Chemical and Animals feed;
- Design, Manufacture and Erection of Steel Structure.

| | |
|--|---|
| <p><i>Initial Certification date:</i> 7 August 2013</p> <p><i>This Certificate is valid until:</i> 26 June 2016</p> <p><i>The audit has been performed under the supervision of:</i> Lam Tan An Lead Auditor</p> | <p><i>Place and date:</i> Barendrecht, 8 August 2013</p> <p><i>for the Accredited Unit:</i> DET NORSKE VERITAS CERTIFICATIONS B.V., THE NETHERLANDS</p>  S. Bougaard Management Representative |
|--|---|

Lack of fulfillment of conditions as set out in the Certification Agreement may render this Certificate invalid.
DET NORSKE VERITAS CERTIFICATIONS B.V., P.O. BOX 1, 2000 AA BUREAUWIJCK, THE NETHERLANDS, TEL: +31 (0) 20 770 4000 - WWW.DNV.COM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA


Số : 37073

Chủ Giấy chứng nhận: CÔNG TY CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP


Quốc lộ 1A, phường Thời An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Số đơn: 44290 Ngày nộp đơn hợp lệ: 22.12.1999
 Ngày ưu tiên: 22.12.1999

Đã được cấp theo Quyết định số: 1202/QĐ-ĐK Ngày: 08.05.2001
 Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn hợp lệ (có thể gia hạn)



K.T. CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
Phó Cục Trưởng


Trần Việt Hùng

Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (IMECO) đang hoạt động trong các lĩnh vực sau (trong đó chế tạo các sản phẩm cơ khí là hoạt động chủ lực của Công ty):

- ✓ Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- ✓ Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- ✓ Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV;
- ✓ Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gỗ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- ✓ Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- ✓ Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước;
- ✓ Xử lý nước thải;
- ✓ Kinh doanh bất động sản.



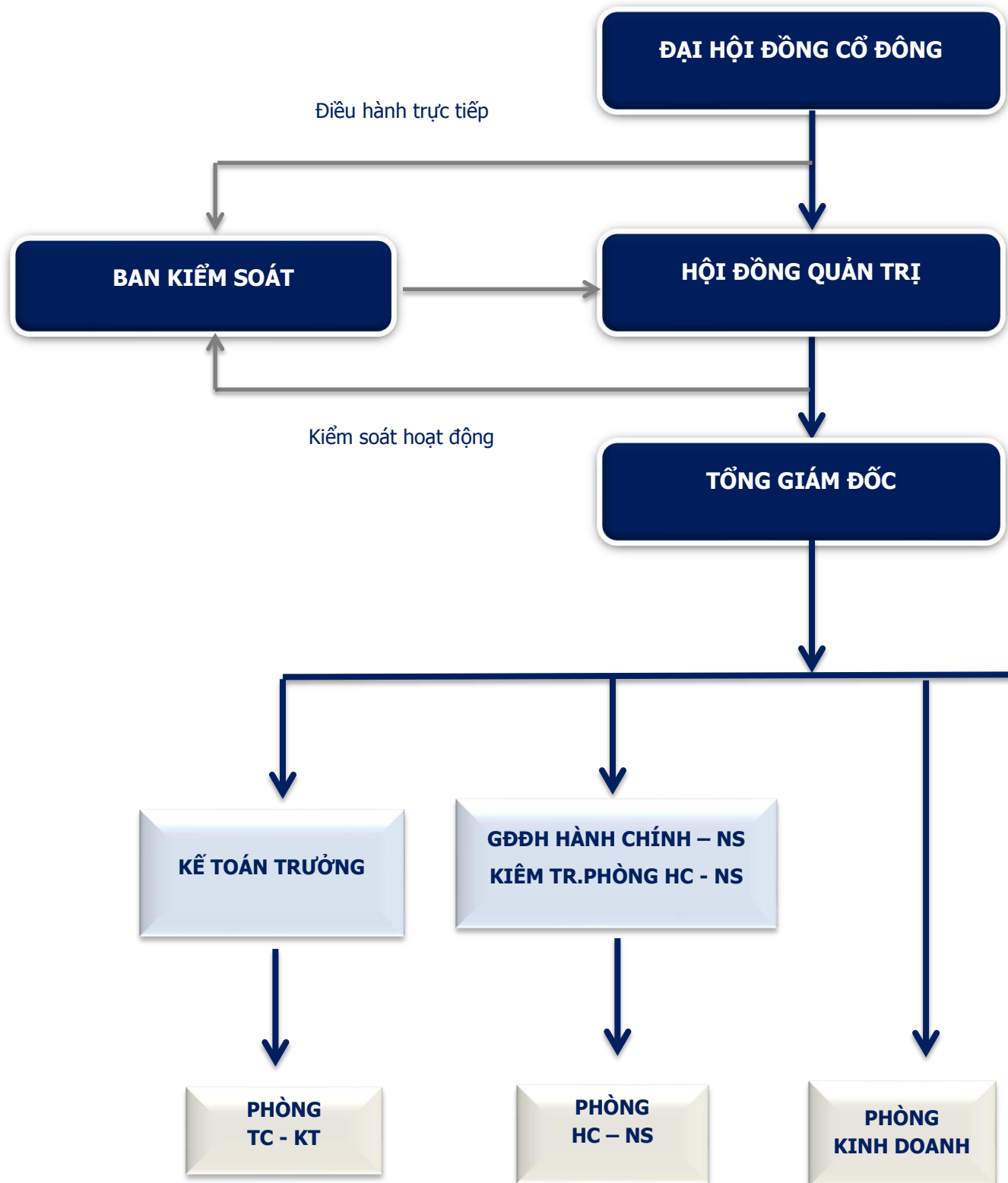
Địa bàn kinh doanh

IMECO có địa bàn hoạt động trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng hoạt động mạnh mẽ nhất là ở các tỉnh phía Nam, là đối tác của nhiều doanh nghiệp thuộc khu vực Châu Á, Châu Âu. Trong những năm qua, xuất khẩu chiếm gần 90% doanh thu. Công ty đã xuất khẩu sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế sang các thị trường, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Trung Quốc, Châu Âu và các nước Trung Đông.

Với mục tiêu phát triển toàn diện, Công ty đang nỗ lực giới thiệu và cung cấp các sản phẩm của IMECO đến với mọi khách hàng, trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam cũng như đẩy mạnh xuất khẩu ra các khu vực khác trên Thế giới.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC



Mô hình quản trị

IMECO được quản trị theo hình thức:

Đại Hội đồng cổ đông;

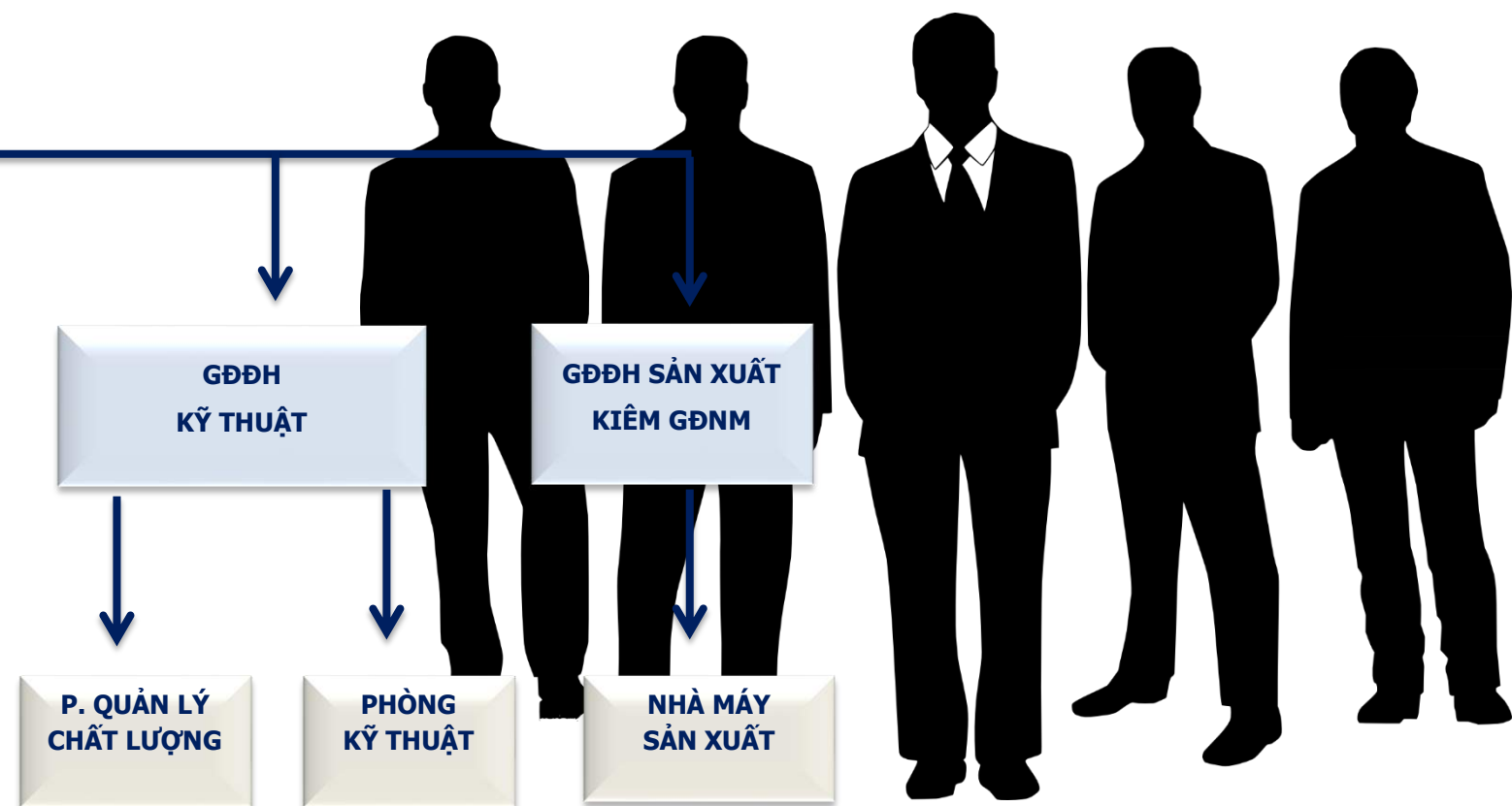
Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);

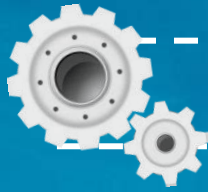
Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);

Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và Giám đốc nhà máy.

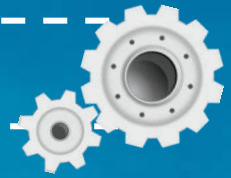
Phòng chuyên môn nghiệp vụ: phòng Hành chính – Nhân sự, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Kinh doanh, phòng Kỹ thuật, phòng Quản lý chất lượng.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc: Nhà máy Chế tạo Thiết bị đồng bộ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

VỀ THỊ TRƯỜNG

Trong tiến trình hội nhập kinh tế, việc khẳng định thương hiệu là cần thiết với mỗi doanh nghiệp, đây là yếu tố quan trọng để giúp cho một doanh nghiệp phát triển và khẳng định thương hiệu của mình đến các nhà đầu tư. Chính vì vậy IMECO luôn đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển chất lượng sản phẩm của mình, đồng thời Công ty tiếp tục củng cố và hoàn thiện những chiến lược kinh doanh nhằm giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu các mặt hàng kết cấu thép, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thức ăn gia súc đi các nước Châu Âu, Châu Á...đảm bảo tỷ trọng hàng xuất khẩu đạt được theo kế hoạch.

VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Trong những năm qua, mức tăng trưởng của IMECO luôn duy trì ở mức ổn định, và trong tương lai duy trì từ 5%-10%/năm nhằm đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông cũng như những quyền lợi, điều kiện làm việc tốt cho người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng xã hội.

IMECO đã thực hiện chiến lược phát triển cơ khí do Bộ Công thương đề ra, đầu tư sâu rộng nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm. Bên cạnh đó, mặt hàng cơ khí là mặt hàng chủ lực của Công ty, vì vậy IMECO luôn mở rộng sản xuất để không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực.

VỀ SẢN XUẤT

IMECO luôn đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, cam kết về chất lượng sản phẩm đầu ra nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường, nhưng IMECO vẫn đảm bảo cân đối giữa lợi nhuận và thị phần, duy trì tăng trưởng vững chắc. Theo đó, IMECO tiếp tục đầu tư và tập trung huy động mọi nguồn lực để xây dựng một hệ thống sản xuất hàng cơ khí hoàn thiện, nâng cao hiệu quả sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm. IMECO quyết tâm thực hành sản xuất tiết kiệm nhằm tối đa hóa lợi nhuận của mình nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Trong vòng ba năm trở lại đây, kinh tế Việt Nam tăng trưởng tương đối ổn định bình quân khoảng 6,6%, đồng thời hội nhập sâu rộng cũng giúp nền kinh tế có rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng không ít khó khăn. Năm bắt được cơ hội này, IMECO đã không ngừng nghiên cứu và cải tiến sản phẩm để phù hợp với các tiêu chuẩn tiên tiến của Thế giới, đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực, quản lý chất lượng và sản xuất theo đúng yêu cầu của khách hàng để có được năng lực cạnh tranh và vị thế tốt trên thị trường.

Công ty có các khách hàng trong và ngoài nước, ban đầu Công ty chỉ là đối tác của một khách hàng chính là Promecon - Đan Mạch, Thụy Điển nhưng cho đến nay IMECO đã là đối tác tin cậy của rất nhiều khách hàng do xuất khẩu sản phẩm cơ khí, góp phần vào sự tăng trưởng của công ty, tạo ra công ăn việc làm cho trên 400 lao động trong khu vực. IMECO đã chọn một hướng đi đúng đắn, đầu tư kịp thời, đào tạo nguồn nhân lực phù hợp, tạo ra được sự khác biệt so với các doanh nghiệp cơ khí khác, nên thương hiệu IMECO càng có vị thế vững mạnh trên thị trường.

Thị trường tiêu thụ

Trong những năm qua, thương hiệu IMECO ngày càng phát triển trên thị trường trong nước và thế giới. Ngoài những đối tác truyền thống, thường xuyên hợp tác kinh doanh, đặt hàng theo nhu cầu sửa chữa như Ajinomoto, Nupak, Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam, SAIGON SHIPYARD CO., LTD, Công ty CP Chỉ sợi Cao su V.R.G SA DO, IMECO còn trở thành đối tác tin cậy của nhiều tập đoàn, công ty lớn trên Thế giới.



Đầu tư

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng cũng như đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và tạo ra sự đột phá, IMECO đã đầu tư nâng cấp về chiều rộng và chiều sâu để tập trung vào các mục tiêu chính sau đây:

- Tăng cường máy móc thiết bị hiện đại nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất;
- Chế tạo trọn gói hệ thống cung cấp và xả khí trọn gói cho các nhà máy nhiệt điện công suất đến 1.500 MW;
- Chế tạo trọn gói chân tháp phong điện và các thiết bị phụ trợ;
- Chế tạo trọn gói cấu kiện công trình có trọng lượng đến 2.000 T/cấu kiện;
- Chế tạo trọn gói nhà máy bột giấy công suất 500.000 T/năm.



Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Các mục tiêu với môi trường

Với ý thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường trong quá trình hoạt động Công ty đã tiến hành thực hiện nhiều biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Cụ thể, trong quá trình sản xuất, IMECO đã bố trí quạt thổi mát cục bộ, tạo sự thông thoáng cho môi trường làm việc; ký hợp đồng thuê tổ chức thu gom các loại chất thải rắn thông thường; xây dựng bể tự hoại để xử lý nước thải sinh hoạt; hạn chế không làm phát sinh chất thải nguy hại, khói bụi v.v..

Trong thời gian tới, IMECO sẽ thực hiện chế độ lấy mẫu đánh giá tác động môi trường dưới sự giám sát của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. Xử lý chất thải công nghiệp theo quy định, tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.



Các mục tiêu với xã hội

Công ty nhận thức việc đóng góp vào xã hội và cộng đồng là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động từ thiện, giúp đỡ các hộ gia đình gặp khó khăn trên địa bàn hoạt động,..v






CÁC YẾU TỐ RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đang đăng ký giao dịch tại Sàn UpCOM, nên hoạt động của IMECO cũng chịu tác động lớn từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán về hoạt động công bố thông tin. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Đồng thời Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực chế tạo các sản phẩm cơ khí cho ngành Công nghiệp, do đó IMECO cũng chịu sự chi phối bởi các bộ luật liên quan.



Biện pháp

Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty đã không ngừng tìm hiểu, theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ phù hợp với sự thay đổi đó, đảm bảo việc bám sát theo chính sách mới của Nhà nước và hoạt động của Công ty diễn ra suôn sẻ, đúng pháp luật. Hợp tác với đơn vị tư vấn doanh nghiệp, đảm bảo các thông tin đến với cổ đông, cơ quan quản lý đúng quy định. Ban hành quy chế hướng dẫn thực hiện các vấn đề trọng tâm như tài chính, đầu tư tài sản, công bố thông tin, v.v... để hoạt động Công ty tuân thủ quy định.



Rủi ro tỷ giá

Trải qua hơn 38 năm hoạt động, thương hiệu IMECO đã ngày càng khẳng định được vị thế của mình. Thế mạnh của công ty là xuất khẩu trong đó Châu Á và Châu Âu là hai thị trường chính. Ngoài ra, IMECO còn có các hoạt động như mua sắm nguyên vật liệu nhập khẩu, v.v. Có thể thấy các hoạt động toán bằng ngoại tệ của Công ty khá thường xuyên. Nên sự biến động của tỷ giá hối đoái USD/VND luôn được công ty theo sát.

Để hạn chế rủi ro, Công ty đã thường xuyên theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động đến tỷ giá cũng như sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để bảo hiểm tỷ giá đối với các hợp đồng xuất nhập khẩu. Ban lãnh đạo đưa ra các phương án dự phòng xử lý nếu có biến động lớn về tỷ giá.

Rủi ro lãi suất

Hiện nay, nhận thấy chưa thật sự cần thiết, IMECO không sử dụng vốn vay. Tính đến năm 2017 công ty không có các khoản vay nợ tài chính. Trong trường hợp quyết định vay vốn, công ty luôn chuẩn bị các phương án cần thiết để hạn chế rủi ro thấp nhất như lựa chọn cơ cấu vốn hợp lý, theo dõi sát sao công nợ và lịch trả nợ nhằm đảm bảo tình hình tài chính đủ khả năng chi trả các khoản nợ đến hạn.



Rủi ro về môi trường

Đối với đặc thù hoạt động của IMECO, rủi ro môi trường là những rủi ro nảy sinh trong quá trình sản xuất. Ngoài ra, quá trình hội nhập tại Việt Nam những năm gần đây vô cùng mạnh mẽ đã thu hút nhiều vốn đầu tư từ nước ngoài. Hàng loạt nhà máy, xí nghiệp mọc lên sẽ ảnh hưởng một đến môi trường như nước thải, khí thải, rác thải công nghiệp,...

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro môi trường, IMECO luôn chú trọng công tác dự báo, giảm thiểu rủi ro và tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng địa phương xung quanh trong quá trình hoạt động mà IMECO triển khai, qua đó tuân thủ đúng các tiêu chuẩn chung theo quy định. IMECO luôn đảm bảo thực hiện chế độ lấy mẫu đánh giá tác động môi trường thường xuyên dưới sự giám sát của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. Thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định. Tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

Rủi ro nguồn nhân lực

Ngành sản xuất cơ khí là một trong những ngành nghề rất chú trọng đến nguồn nhân lực, do đó Công ty luôn đặt ra những yêu cầu để có được lực lượng kỹ sư giỏi, đội ngũ công nhân chuyên nghiệp được đào tạo nghề bài bản và có kinh nghiệm thành thạo, tay nghề vững vàng. Tuy nhiên, nguồn nhân lực trong nước vẫn còn đang thiếu cả về số lượng và chất lượng thì nhiều kỹ sư cơ khí lại có xu hướng muốn đi lao động ở nước ngoài do mức lương và ưu đãi khá hấp dẫn. Các kỹ sư giỏi muốn tìm kiếm nhiều cơ hội phát triển và học hỏi kỹ thuật ở các nước bạn. Do đó, sự thiếu hụt nhân sự hoặc không đáp ứng được các yêu cầu trên là rủi ro nhân lực chung của ngành. Ngoài ra sự luân chuyển công việc của bộ phận công nhân sản xuất cũng là vấn đề gây rủi ro lớn cho công ty trong quá trình sản xuất.

Để khắc phục rủi ro nguồn nhân lực Công ty luôn xây dựng chính sách nhân sự không chỉ đảm bảo những yêu cầu của quy định về lao động mà còn tạo ra một môi trường làm việc đầy hấp dẫn giúp công ty giữ được rất nhiều kỹ sư tài năng, các CBCNV gắn kết lâu dài với Công ty. Kết hợp với các trường đào tạo chuyên ngành chế tạo, cơ khí để tuyển chọn những sinh viên có năng lực tốt. Chú trọng đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động theo các tiêu chuẩn Quốc tế hoặc tiêu chuẩn do những đối tác đưa ra, đây cũng là cơ hội để người lao động tự nâng cao trình độ của bản thân. IMECO còn xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp tạo sự gắn bó lâu dài giữa người lao động và Công ty.

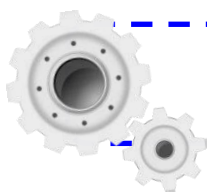




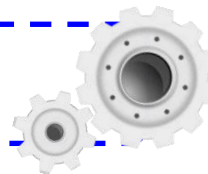


TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 1. Ban Điều Hành Công Ty**
- 2. Hội đồng quản trị**
- 3. Ban Kiểm soát**
- 4. Những thay đổi trong Ban Điều hành**
- 5. Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động**



BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY



Cơ cấu Ban Điều hành Công ty như sau:

| Thành viên Ban Tổng Giám đốc | Chức Vụ |
|------------------------------|---|
| Ông Nguyễn Thanh Liêm | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 11/02/2018) |
| Ông Nguyễn Thành Trung | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 11/02/2018) |
| Ông Đặng Anh Tuấn | Giám đốc điều hành sản xuất |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự |
| Ông Ngô Hồng Sơn | Giám đốc điều hành Kỹ thuật |
| Bà Nguyễn Thị Long Châu | Kế toán trưởng |

Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành Công ty:

Ông Nguyễn Thanh Liêm – Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00% VDL

| Thời gian | Vị trí |
|---------------|--|
| 1996 - 2000 | Kế toán trưởng - DNTN Xây lắp Điện Quyết Thắng |
| 2000 - 2006 | Kế toán trưởng - Công ty TNHH Tân Hải Minh |
| 2007 - 2010 | Kế toán trưởng – Công ty TNHH SX.TM Phúc An |
| 2010 - 2012 | Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Việt Nam Chi Tín |
| 2012 - 2013 | Phó phòng Tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn cà phê Trung Nguyên |
| 01/2017 – Nay | Trợ lý TGD Công ty CP An Hiền |
| 04/2017 – Nay | Thành viên HĐQT CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |
| 02/2018 – Nay | Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp. |



Bà Nguyễn Thị Loan – Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0%VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Từng nắm giữ chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, Trợ lý tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Bà Nguyễn Thị Long Châu – Kế toán trưởng

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Bà Châu từng nắm giữ chức vụ Phụ trách Kế toán nhà máy Cơ điện Tân Bình, Kế toán trưởng nhà máy Cơ khí Thực phẩm (nay là Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp), đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty. Ngày 11/11/2016, Bà được Hội đồng quản trị bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp cho đến nay.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

Ông Đặng Anh Tuấn – Giám đốc điều hành sản xuất

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0%VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Ông Tuấn từng nắm giữ chức vụ Phó phòng Kỹ thuật, Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, nay là Giám đốc điều hành sản xuất tại Công ty.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ông Ngô Hồng Sơn – Giám đốc điều hành kỹ thuật

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0%VĐL

Tóm tắt Quá trình công tác:

Ông Sơn từng nắm giữ chức vụ Phó Giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ, Trưởng phòng quản lý chất lượng trực thuộc CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, đến ngày 15/02/2012 được bổ nhiệm làm Giám đốc điều hành kỹ thuật Công ty.

Chức vụ tại tổ chức khác: không

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị

| Thành viên HĐQT | Chức Vụ |
|------------------------|--|
| Ông Đoàn Minh Toàn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Nguyễn Thành Trung | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Ngọc Hạnh | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ 13/05/2017) |
| Ông Trần Đức Hòa | Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ 13/05/2017) |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Hành chính – Nhân sự |

Ông Đoàn Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán; Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc tài chính Công ty TNHH SX TM-DV Yên Khánh.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|-----------------|---|
| 2006 - 2009 | Phó giám đốc tài chính CTCP Tập đoàn Đức Bình |
| 2009 - 2010 | Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cái Mép |
| 2010 - 2013 | Phó giám đốc Tài chính CTCP Tập đoàn Đức Bình |
| 2013 - Nay | Phó giám đốc tài chính Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh |
| 30/6/2016 – Nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp Giám Đốc CTCP An Hiên |

Ông Nguyễn Ngọc Hạnh - Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân hành chính

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|-------------------|--|
| 2005 - 2007 | Trưởng phòng Hành chính-Nhân sự Xí nghiệp dịch vụ Kỹ thuật Tổng công ty Bia Rượu-NGK Sài Gòn |
| 2008 - 2011 | Phó trưởng phòng Hành chính-Nhân sự Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO. |
| 2011 - 2013 | Trưởng ban điều độ sản xuất Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO. |
| 12/2013 - 03/2016 | Giám đốc điều hành sản xuất Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO. |
| 01/04/2016 – Nay | Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO. |
| 25/06/2016 – Nay | Thành viên HĐQT CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |

Ông Nguyễn Thành Trung - Thành viên HĐQT

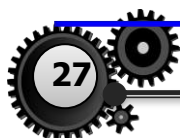
Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành cơ khí chế tạo

Chức vụ thành viên TV HĐQT tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 184.200 cổ phần – tỷ lệ 5,12% VDL

| Thời gian | Vị trí |
|-------------------|--|
| 08/1990 – 04/1993 | Cán bộ nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế Trung tâm Công nghệ khoa học thuộc Viện Khoa học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh |
| 05/1993 – 08/1996 | Kỹ sư – Quản Đốc xưởng cơ khí Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |
| 09/1996 – 12/2005 | Phó Giám đốc Công ty Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp, Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |
| 01/2006 – 02/2007 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |
| 2008 – 10/2/2018 | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |
| 11/2/2018 - nay | Thành viên HĐQT CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |



Nguyễn Thị Loan - Thành viên HĐQT

(Xem Sơ yếu lý lịch phần Ban Điều hành)



BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên như sau:

| Thành viên Ban Kiểm soát | Chức Vụ |
|---------------------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Sơn | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Bà Vũ Thanh Phương | Thành viên Ban Kiểm soát |
| Ông Đinh Văn Hanh | Thành viên Ban Kiểm soát |



Ông Nguyễn Văn Sơn – Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán doanh nghiệp

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Tóm tắt quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|-------------------|---|
| 04/2004-12/2007 | Kế toán trưởng CTCP sản xuất Bao bì & hàng xuất khẩu, CN TP.HCM |
| 01/2008 – 04/2010 | Kế toán trưởng CTCP Truyền Thông Sao Thế Giới |
| 04/2010 -06/2011 | Kế toán trưởng CTCP Đất xanh Miền Bắc |
| 09/2011 - Nay | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO. |
| 30/06/2016 – Nay | Trưởng BKS CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |

Bà Vũ Thanh Phương – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh – Kinh tế đối ngoại

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần – tỷ lệ 0% VDL

Tóm tắt Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|---|
| 2002 - 2006 | Nhân viên Hàng không Quốc gia Việt Nam |
| 2006 - 2008 | Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư TM Phương Đông |
| 2008 - Nay | Phó giám đốc Công ty CP XNK Đức Bình |
| 25/06/2016 – Nay | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |



Ông Đinh Văn Hanh – Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí - Hàn

Số cổ phần nắm giữ: 504 cổ phần – tỷ lệ 0,014% VDL

Tóm tắt Quá trình công tác:

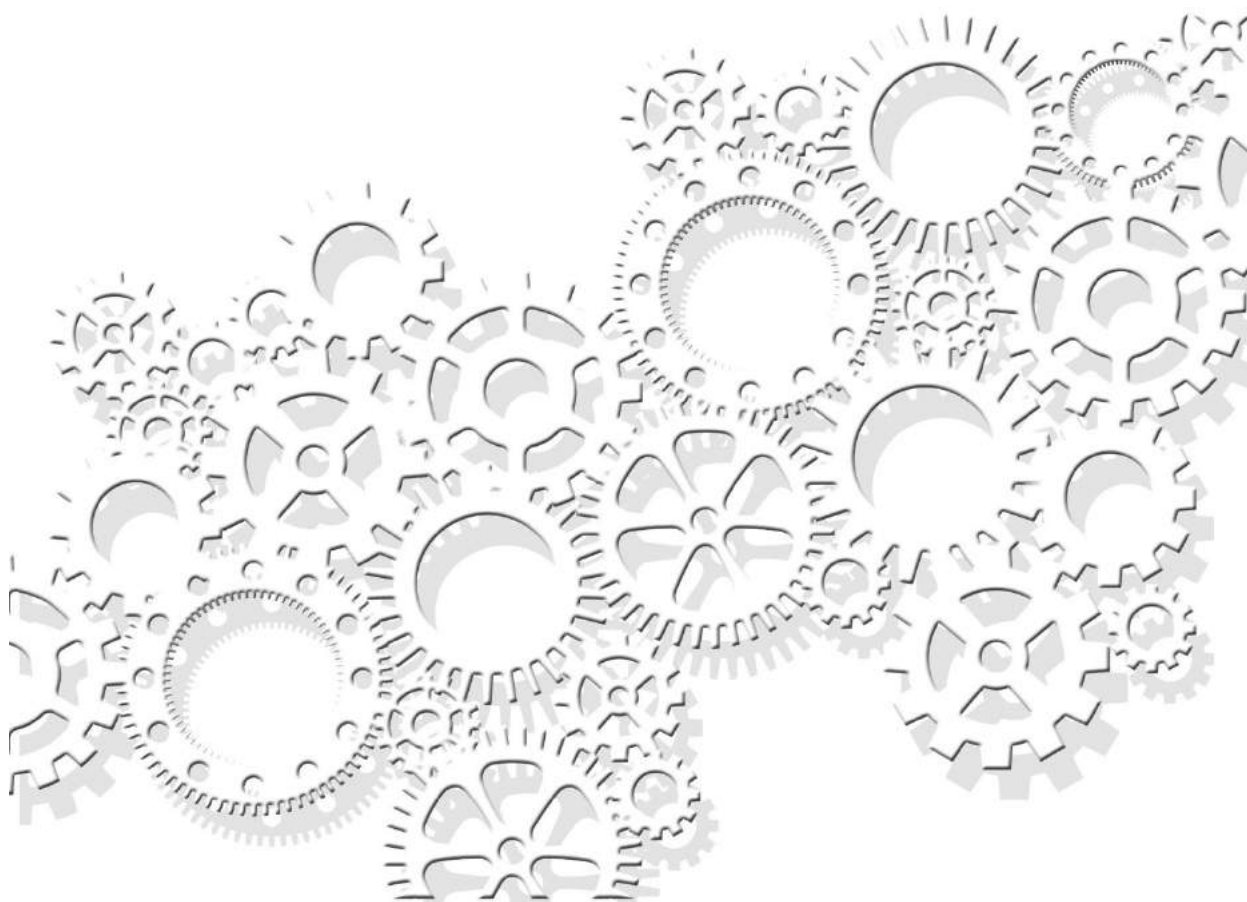
| Thời gian | Vị trí |
|------------------|--|
| 2003 - 2008 | Nhân viên KCS phòng Kỹ thuật CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp |
| 2008 - 2009 | Phó phòng Quản lý chất lượng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp |
| 2009 - Nay | Trưởng phòng Quản lý chất lượng CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp |
| 25/06/2016 - Nay | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |
| 2016 – Nay | Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp |



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm Công ty đã có những sự thay đổi trong nhân sự như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------------|--------------------|-----------------|---------------|-----------------|
| Hội đồng quản trị: | | | | |
| 1 | Trần Đức Hòa | Thành viên HĐQT | 25/06/2016 | 13/5/2017 |
| 2 | Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên HĐQT | 13/05/2017 | |
| Ban điều hành: | | | | |
| 1 | Nguyễn Thành Trung | Tổng Giám đốc | 10/02/2013 | 11/02/2017 |
| 2 | Nguyễn Thanh Liêm | Tổng Giám đốc | 11/02/2018 | |



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH

VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

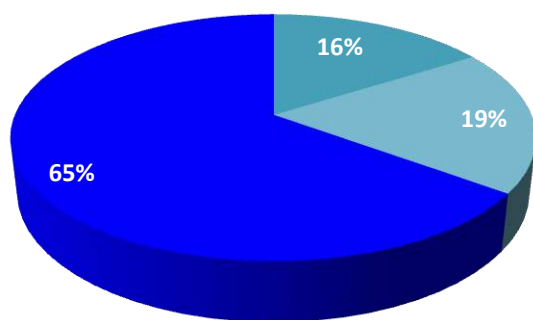
Tình hình nhân sự

Tổng số lao động tại ngày 31/12/2017 là 374 người

Trong đó

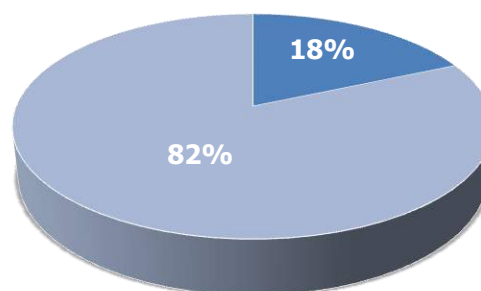
| STT | Tiêu chí phân loại | Năm 2016 | Năm 2017 | Tỷ trọng |
|----------|---|------------|------------|----------------|
| A | Theo trình độ | 407 | 374 | 100,00% |
| 1 | Đại học, trên Đại học | 67 | 60 | 16,04% |
| 2 | Cao đẳng | 32 | 71 | 18,98% |
| 3 | Khác | 308 | 243 | 64,97% |
| B | Theo tính chất hợp đồng lao động | 407 | 474 | 100,00% |
| 1 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 94 | 69 | 18,45% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 313 | 305 | 81,55% |

Theo trình độ



■ Theo trình độ ■ Đại học, trên Đại học ■ Cao đẳng ■ Khác

Theo tính chất hợp đồng lao động



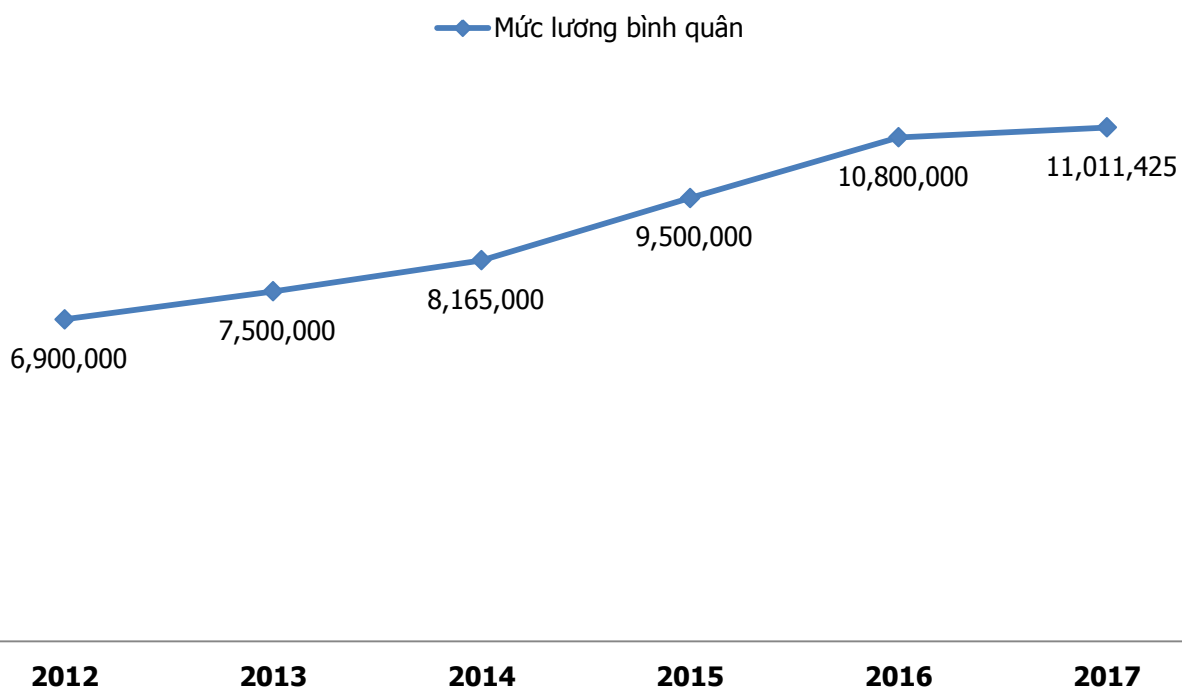
■ Hợp đồng có xác định thời hạn
■ Hợp đồng không xác định thời hạn

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

| STT | Năm | Thu nhập bình quân (đồng/tháng/người) | Tỷ lệ tăng trưởng (%) |
|-----|------|--|--------------------------|
| 1 | 2012 | 6.900.000 | 15,00% |
| 2 | 2013 | 7.500.000 | 8,70% |
| 3 | 2014 | 8.165.000 | 8,87% |
| 4 | 2015 | 9.500.000 | 13,90% |
| 5 | 2016 | 10.800.000 | 13,68% |
| 6 | 2017 | 11.011.425 | 1,96% |

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM



Chính sách với người lao động

Chính sách lương, thưởng

Hoạt động sản xuất kinh doanh của IMECO trong những năm qua luôn diễn ra liên tục và ổn định, Công ty luôn đảm bảo về các chính sách trả lương cho CBNV đúng thời hạn. Trong năm 2017, số lượng lao động bình quân của Công ty đạt 374 người, dù số lượng lao động có giảm so với năm 2016 nhưng IMECO vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm và đảm bảo hiệu quả công việc. Thu nhập bình quân năm 2017 đạt 11,01 triệu đồng/người, so với 2016, thu nhập bình quân đã tăng 1,96%. Việc trả lương được xác định đúng với hiệu quả kinh doanh, trình độ tay nghề cũng như tinh thần trách nhiệm của người lao động, đảm bảo sự công bằng, hợp lý và tuân thủ đúng theo Luật lao động.



Chính sách đào tạo

Nhân sự là nguồn lực quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, họ là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh khi Công ty thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Ý thức được điều đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đào tạo cá nhân như đào tạo cấp chứng chỉ nghề cho công nhân, đào tạo thi nâng bậc cho công nhân. Ngoài ra, đối với những hội thảo triển khai các văn bản pháp luật mới sẽ được Công ty phân công cán bộ tham dự và sẽ phổ biến lại cho khối nghiệp vụ liên quan, đồng thời tổ chức bắt buộc đối với toàn bộ người lao động tham gia sản xuất trực tiếp một số khóa huấn luyện như đào tạo huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và sơ cấp cứu.

Công tác bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường vẫn được công ty duy trì thực hiện. IMECO chủ động trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, thường xuyên kiểm tra đảm bảo máy móc luôn trong điều kiện an toàn để phục vụ cho hoạt động sản xuất.

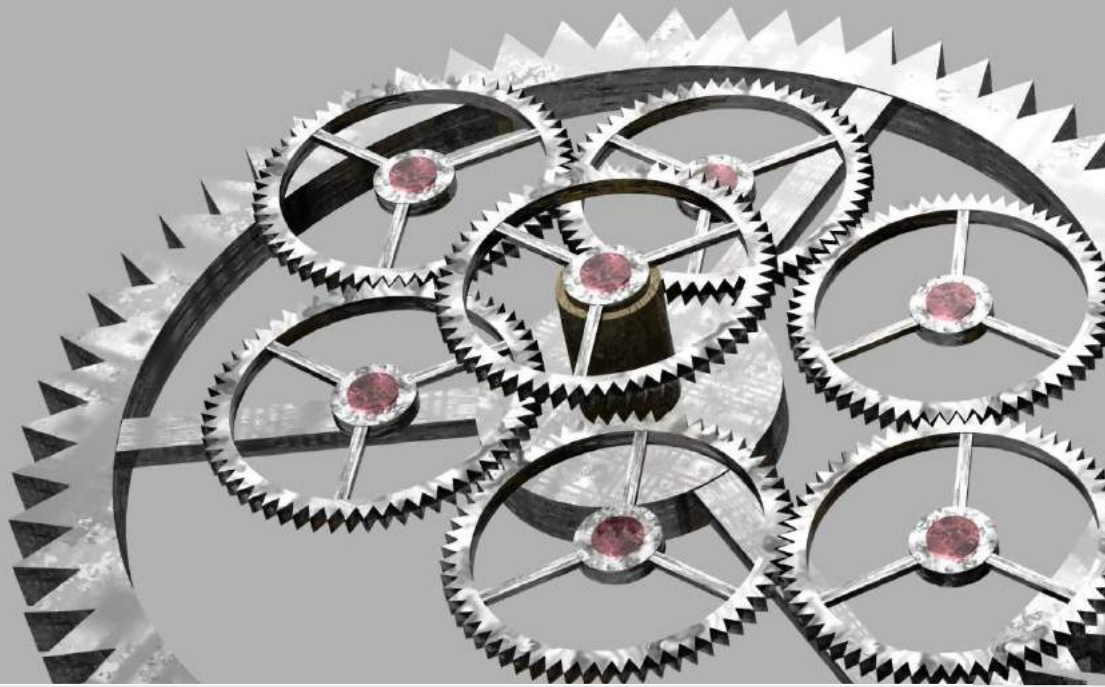


Chính sách phúc lợi

Công ty luôn thực hiện việc chi trả lương theo quy định trong nội bộ Công ty. Ngoài ra, IMECO còn chăm lo cả về vật chất lẫn tinh thần cho người lao động thông qua những chính sách phúc lợi, lương thưởng, thù lao cho các cá nhân hay tập thể có thành tích xuất sắc trong công việc, vượt chỉ tiêu đề ra, hỗ trợ kịp thời đối với những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn. Công ty xây dựng chính sách phúc lợi phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp, tính cạnh tranh, mức sống chung của khu vực và phù hợp với quy định của Pháp Luật.







TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tình hình hoạt động đầu tư**
- 3. Tình hình tài chính**
- 4. Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu**

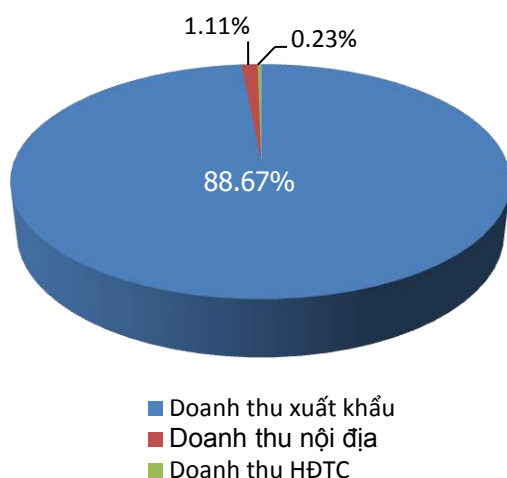




TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH | KH | TH | So sánh % | |
|-----|--------------------------------|--------|---------|---------|---------|-----------|--------|
| | | | 2016 | 2017 | 2017 | TH/KH | TH/NT |
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 181.305 | 190.556 | 212.453 | 111,49 | 117,17 |
| | - Doanh thu xuất khẩu | Tr.đ | 163.257 | 171.650 | 188.375 | 109,74 | 115,38 |
| | - Doanh thu nội địa | Tr.đ | 17.546 | 18.556 | 23.580 | 127,07 | 134,38 |
| | - Doanh thu HĐTC | Tr.đ | 502 | 350 | 498 | 142,28 | 99,20 |
| 2 | Số phải nộp NSNN | Tr. đ | 6.770 | 7.158 | 5.298 | 74,01 | 78,25 |
| 3 | Tổng quỹ lương thực trả | Tr.đ | 50.405 | 51.912 | 48.931 | 94,25 | 97,07 |
| 4 | Lao động bình quân | Người | 409 | 390 | 390 | 100,00 | 95,35 |
| 5 | Thu nhập b/q (ng/th) | 1.000đ | 10.800 | 11.630 | 11.011 | 94,67 | 101,95 |
| 6 | Tổng vốn đầu tư | Tr.đ | 5.160 | 5.000 | 603 | 12,06 | 11,68 |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 14.146 | 14.520 | 12.675 | 87,29 | 89,60 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 11.146 | 11.616 | 10.117 | 87,09 | 90,76 |
| 9 | Tỷ suất LNST/VĐL | % | 30,96 | 32,26 | 28,10 | 86,83 | 90,76 |

TỔNG DOANH THU

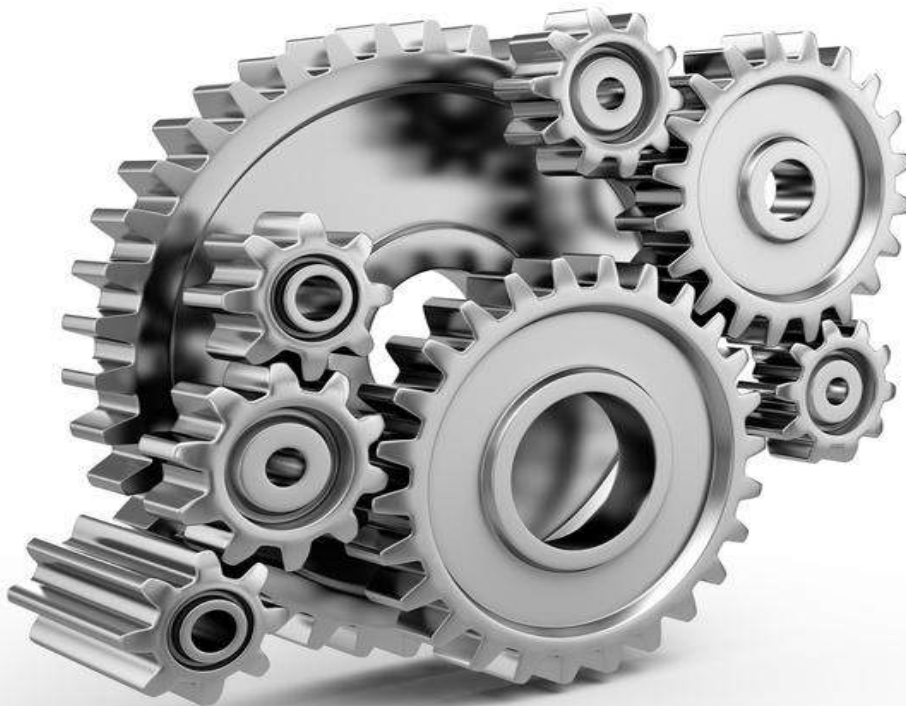


Năm 2017 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty được ghi nhận tốt hơn năm trước, nhất là chỉ tiêu doanh thu đạt vượt mức kế hoạch 11,49% bởi các nguyên nhân:

- Do một số đơn hàng xuất khẩu đã hoàn tất năm 2016 nhưng xuất vào đầu năm 2017 nên doanh thu được ghi nhận cho năm 2017.
- Doanh thu xuất khẩu đạt 109,74%, cao hơn kế hoạch đề ra là 9,74%, trong đó giá trị nguyên vật liệu do khách hàng cung cấp là: 66,725 tỷ đồng.
- Đến cuối năm 2017 Công ty có gặp một số khó khăn trong việc ký hợp đồng với khách hàng nước ngoài để sản xuất hàng hóa, nhưng vấn đề này đã được Công ty dần khắc phục.

Tổng kết năm 2017, kết quả kinh doanh của IMECO đã gặt hái được những thành quả nhất định, đồng thời Công ty luôn hướng đến mục tiêu thu hút ngày càng nhiều khách hàng ngoài nước tin tưởng và tiếp tục ký kết nhiều hợp đồng mới. Trong năm Công ty đã hoạt động hiệu quả khi tổng doanh thu thực hiện đạt 212,453 tỷ đồng, tăng 11,49% so với kế hoạch và tăng 17,17% so với năm trước. Trong đó, doanh thu nội địa tăng cao nhất với tỷ lệ 34,38%, tuy nhiên doanh thu chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu là hoạt động xuất khẩu và đạt 188,375 tỷ đồng, tăng 9,74% so với kế hoạch và tăng 15,38% so với năm trước.

Trong năm phải nộp ngân sách đạt 5,298 tỷ đồng giảm 25,99% so với kế hoạch và giảm 21,75% so với năm trước. Giảm chủ yếu ở chỉ tiêu thuế nhập khẩu và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp do lợi nhuận không đạt theo kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế thực hiện 12,675 tỷ đồng, giảm 12,71% so với kế hoạch và giảm 10,40% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế thực hiện 10,117 tỷ đồng, giảm 12,91% so với kế hoạch và giảm 9,24% so với năm trước. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm lợi nhuận vì giá bán giảm, giảm chủ yếu ở mặt hàng xuất khẩu, loại trừ giá trị căn trừ hàng nhập, giá bán bình quân năm 2016 là 71,03 triệu đồng/tấn trong khi năm 2017 giá bán là 69.63 triệu đồng/tấn (giảm 2,4 triệu đồng/tấn). Giá Thép thế giới năm 2017 tăng trung bình từ mức 400 USD/tấn vào đầu năm lên gần 800 USD/tấn vào cuối năm.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm 2017 kế hoạch đầu tư là 05 tỷ đồng, tuy nhiên do tình hình khó khăn chung của ngành cơ khí cũng như của công ty, việc đầu tư trong năm chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra.

Trong năm, đầu tư tăng 603,10 triệu đồng gồm có :

- Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy (chuyển tiếp từ năm 2016) với giá trị là: 570,38 triệu đồng.
- Đầu tư 01 bộ máy in HP LaserJet M712 với giá trị là: 32,718 triệu đồng.

Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2016 | Thực hiện 2017 | % tăng giảm |
|---|----------------|----------------|-------------|
| Tổng tài sản | 173.313 | 78.880 | -54,49% |
| Doanh thu thuần | 180.803 | 221.955 | 22,76% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 13.964 | 11.951 | -14,42% |
| Lợi nhuận khác | 182 | 725 | 298,35% |
| Lợi nhuận trước thuế | 14.146 | 12.68 | -10,36% |
| Lợi nhuận sau thuế | 11.147 | 10.12 | -9,21% |
| Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) | 1.872 | 1.763 | -5,82% |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2016 | Năm 2017 |
|---|------|----------|----------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,31 | 2,45 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,48 | 1,46 |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 72,07% | 38,35% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 258,06% | 62,2% |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 2,52 | 2,82 |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | Vòng | 1,30 | 1,68 |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 6,17% | 4,77% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 24,75% | 20,85% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 8,02% | 8,02% |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 7,73% | 5,64% |

Về cơ cấu vốn

So với năm trước, kết thúc năm 2017 các chỉ số này có xu hướng giảm, điều này được giải thích do Nợ phải trả của IMECO giảm từ 124,91 tỷ đồng xuống 30,25 tỷ đồng, tương đương giảm 75,78% so với năm 2016. Nguyên nhân chính là do biến động giảm từ nợ phải trả cho người bán và người mua trả tiền trước ngắn hạn, còn các khoản nợ dài hạn cũng giảm nhưng không đáng kể.

Năng lực hoạt động

Nhóm các chỉ số năng lực hoạt động của IMECO đều tăng so với năm 2016: Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,52 lên 2,82 vòng và Doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng từ 1,3 lên 1,68 lần.

Vòng quay hàng tồn kho và Doanh thu thuần/Tổng tài sản tăng, nguyên nhân là do chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và nguyên liệu trong Hàng tồn kho và khoản Phải thu của khách hàng giảm. Tuy chỉ số vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng nhưng thực tế năng lực hoạt động của IMECO không tăng lên so với năm trước, thể hiện qua việc lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với cùng kỳ

Khả năng sinh lời

Trong bối cảnh thực tế tình hình kinh doanh của Công ty đang gặp khó khăn, các chỉ số khả năng sinh lời 2017 của Công ty đều không khả quan, bình quân giảm hơn 2% so với năm 2016: chỉ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, ROE, ROA và Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần lần lượt đạt 4,77%, 20,85%, 8,02% và 5,64%.

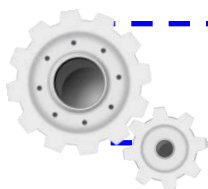
Về khả năng thanh toán

Nhóm các hệ số khả năng thanh toán của Công ty đều được cải thiện so với năm 2016: chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,31 lần lên 2,45 lần và hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,48 lần lên 1,46 lần.

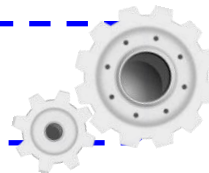
Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng do nợ ngắn hạn của Công ty giảm mạnh hơn 93 tỷ đồng tương đương giảm 77,05% so với cùng kỳ, trong kỳ tuy tài sản ngắn hạn của Công ty cũng trong xu hướng giảm nhưng mức giảm thấp hơn, khoảng 56,91%. Biến động giảm của Nợ ngắn hạn đến từ khoản người mua trả tiền trước cho Công ty giảm hơn 73 tỷ đồng tương đương 82,23%. Nguyên nhân khoản thu từ người mua giảm mạnh do năm 2017 tình hình cạnh tranh tăng, khiến số lượng hợp đồng thi công những tháng cuối năm của Công ty giảm và kéo theo khoản người mua trả tiền trước cũng giảm theo.

Đây cũng là nguyên nhân chính khiến khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong Tài sản ngắn hạn của Công ty suy giảm. Ngoài ra, tài sản ngắn hạn giảm do Công ty nhận được các khoản thanh toán từ AAF International LTD, Nem Power Systems và các khách hàng khác. Theo đó, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm từ 34,327 tỷ đồng xuống 3,399 tỷ đồng năm 2017, tương đương giảm 90,07%.



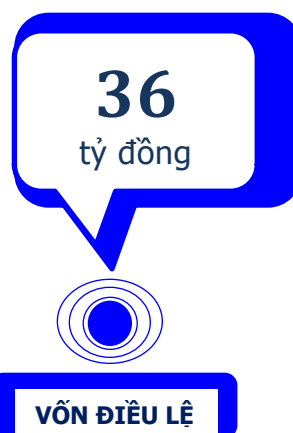


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Cổ phần

| | |
|-------------------------------------|---------------------|
| Tổng số cổ phần | : 3.599.948 cổ phần |
| Mệnh giá cổ phiếu | : 10.000 đồng |
| Loại cổ phần đang lưu hành | : Cổ phần phổ thông |
| Số cổ phần tự do chuyển nhượng | : 3.599.948 cổ phần |
| Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng | : 0 cổ phần |
| Cổ phiếu quỹ | : 0 cổ phần |

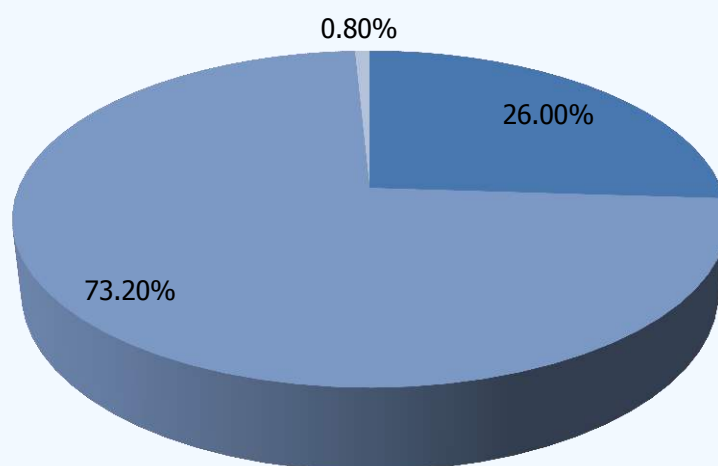


Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2017

Cơ cấu cổ đông

THÔNG TIN THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

| STT | Loại Cổ đông | Số lượng | Số CP sở hữu | Giá trị (VND) | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------|---------------------------|----------|------------------|-----------------------|----------------|
| 1.1 | Nhà nước | 01 | 936.000 | 9.360.000.000 | 26,00% |
| 1.2 | Cổ đông trong nước | | 2.635.148 | 26.351.480.000 | 73,20% |
| | Tổ chức | 06 | 1.506.977 | 15.069.770.000 | 41,86% |
| | Cá nhân | 104 | 1.128.171 | 11.281.710.000 | 31,34% |
| 1.3 | Cổ đông nước ngoài | | 28.800 | 288.000.000 | 0,80% |
| | Tổ chức | 01 | 28.800 | 288.000.000 | 0,80% |
| | Cá nhân | - | - | - | 0,00% |
| Tổng cộng | | 112.00 | 3.599.948 | 35.999.480.000 | 100,00% |



■ Nhà nước ■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày 31/12/2017

| STT | Tên Cổ đông lớn | Số lượng CP đang nắm giữ | Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%) |
|------------------|---------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO | 936.000 | 26,00% |
| 2 | CTCP TM Nước giải khát Khánh An | 848.700 | 23,58% |
| 3 | CTCP An Hiến | 588.484 | 16,35% |
| 4 | Trương Thị Mỹ Phượng | 317.833 | 8,83% |
| 5 | Vũ Thị Hoa | 283.492 | 7,87% |
| 6 | Nguyễn Thành Trung | 184.200 | 5,12% |
| Tổng cộng | | 3.158.709 | 87,74% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Trong năm qua, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

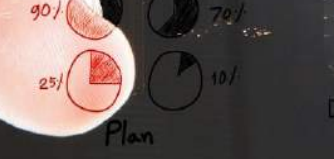
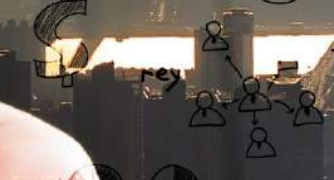
Giao dịch cổ phiếu quỹ

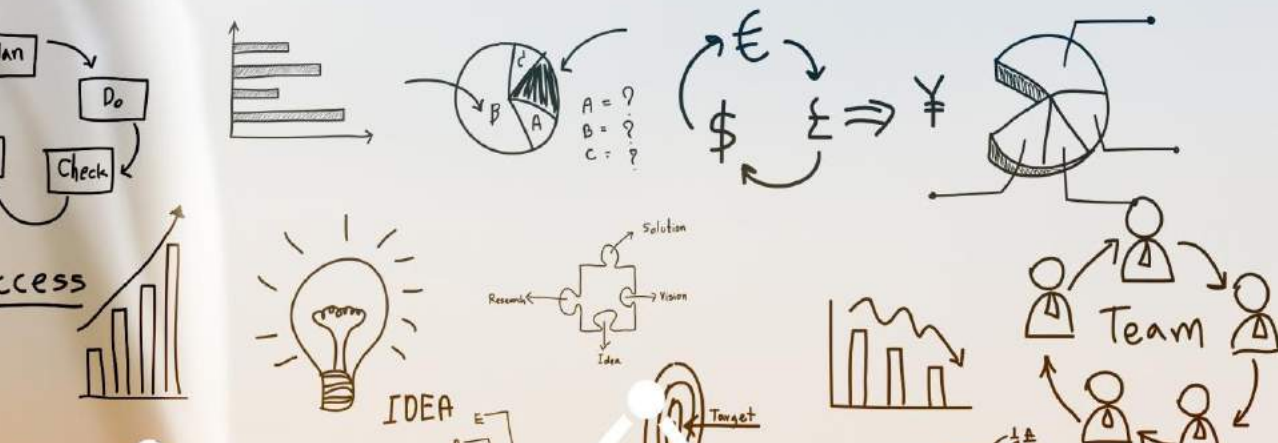
Không có

Các chứng khoán khác

Không có







BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

1. **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
2. **Tình hình tài chính**
3. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
4. **Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2017 nền kinh tế nước ta tiếp tục diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang dần phục hồi, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2017 đạt 3,6%, tăng 0,1% so với mức 3,5% đã dự báo và cao hơn hẳn mức tăng 3,2% của năm 2016. Tăng trưởng thương mại toàn cầu có bước cải thiện so với năm trước, tuy nhiên nền kinh tế trong nước vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống. Tuy nhiên dưới sự đồng lòng của các cán bộ nhân viên cũng như các phương hướng đúng đắn của ban lãnh đạo Công ty, IMECO đã có một năm hoạt động thành công với các kế hoạch đã đề ra, dần khẳng định thương hiệu mình trên thị trường quốc tế.



Hoạt động kinh doanh tại thị trường nội địa chiếm 11,1% trên tổng doanh thu và tăng 1,42% so với năm 2016. Bên cạnh những khách hàng truyền thống, IMECO đã phát triển thêm các đối tác mới nhằm hướng đến mục tiêu tăng doanh thu trong tương lai cho Công ty. Tổng doanh thu trong năm 2017 đã tăng đến 17,18% so với năm 2016.

Thu nhập bình quân của người lao động tăng từ 10,8 triệu đồng/tháng/người lên 11,01 triệu đồng/tháng/người. Cổ tức được Công ty thực hiện chi trả cho cổ đông đúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, mức cổ tức năm 2016 chi trả là 17%.

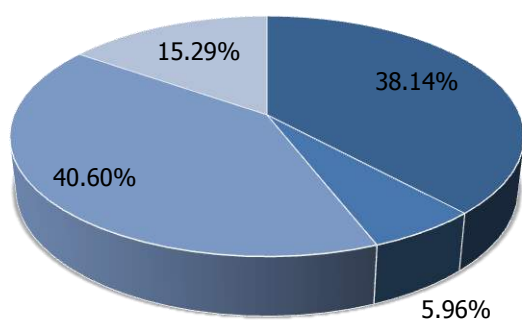
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 2016 | 2017 |
|---------------------------------------|----------------|---------------|
| I. Tài sản ngắn hạn | 159.146 | 68.576 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 16.121 | 26.158 |
| 2. Phải thu ngắn hạn | 35.691 | 4.089 |
| 3. Hàng tồn kho | 100.237 | 27.844 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 7.097 | 10.484 |
| II. Tài sản dài hạn | 14.167 | 10.303 |
| 1. Tài sản cố định | 14.063 | 10.303 |
| 2. Tài sản dở dang dài hạn | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 104 | - |
| Tổng tài sản | 173.313 | 78.879 |

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN



- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác

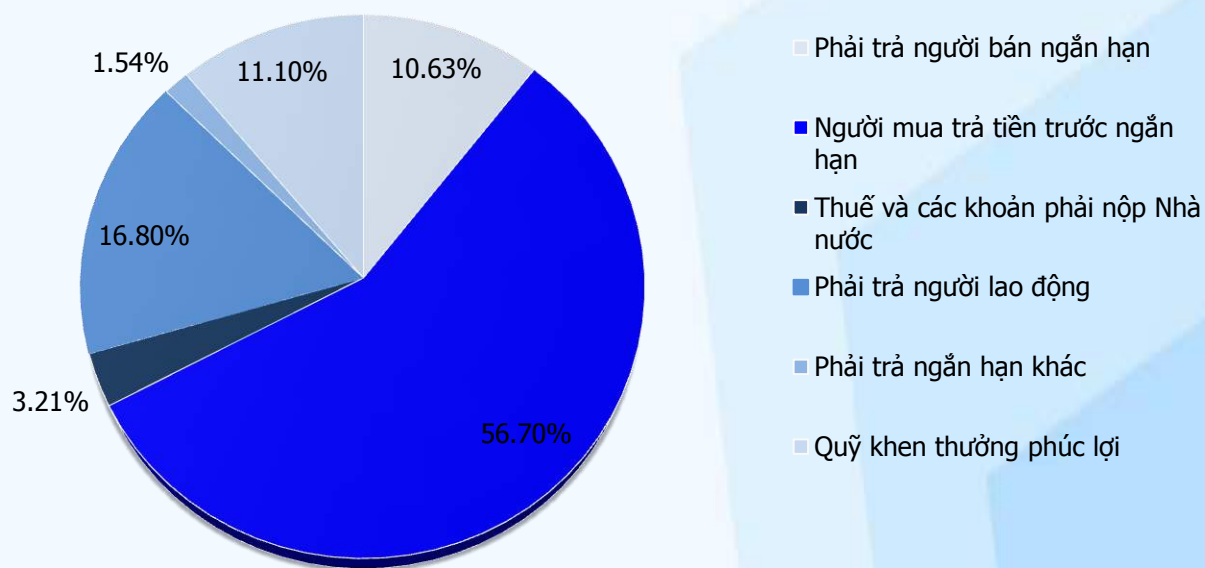
Cơ cấu tài sản năm nay của IMECO đã có sự biến động đáng kể, giảm từ 173,3 tỷ đồng xuống còn 78,88 tỷ đồng, tỷ trọng giảm lớn nhất rơi vào khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho giảm lần lượt là 88,54% và 72,22% so với cùng kỳ năm trước. Tài sản dài hạn có sự sụt giảm nhưng không đáng kể đạt giá trị 10.303 tỷ đồng trong năm 2017.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: triệu đồng

| Chi tiêu | 2016 | 2017 |
|--|----------------|---------------|
| I. Nợ ngắn hạn | 121.910 | 27.980 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 8.713 | 2.973 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 89.279 | 15.866 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.003 | 897 |
| 4. Phải trả người lao động | 12.506 | 4.702 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 909 | 432 |
| 6. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 3.831 | 3.107 |
| II. Nợ dài hạn | 2.999 | 2.268 |
| 1. Dự phòng phải trả dài hạn | 2.999 | 2.268 |
| Tổng nợ | 124.909 | 30.249 |

CƠ CẤU NỢ NGẮN HẠN NĂM 2017



Qua biểu đồ cơ cấu nợ ngắn hạn cho thấy tình hình nợ phải trả năm 2017 đã có những thay đổi khá lớn khi các khoản mục đều giảm khá mạnh, chủ yếu đến từ mục người mua trả tiền trước ngắn hạn khi giảm 82,23%, tuy nhiên nó vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn khi chiếm 56,7%. Nguyên nhân chính tạo nên sự chuyển dịch này đến từ khoản tiền ứng trước và giá trị nguyên liệu cung cấp để chế tạo thiết bị của Công ty Nem Power Systems. Nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ của Công ty, chủ yếu là các khoản người mua trả tiền trước và phải trả người lao động.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2018, kinh tế thế giới tiếp dự báo có nhiều biến động, kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Trước bối cảnh đó, sẽ tạo ra nhiều cơ hội, thuận lợi cũng như đặt ra không ít khó khăn, thách thức đòi hỏi Công ty phải nỗ lực hơn nữa. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng này phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường đầu thô, chứng khoán trên thế giới và những tác động của tình hình bất ổn tại một số nước và khu vực...

Theo đó, IMECO xác định kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp lý, đảm bảo tính bền vững, phát triển có chọn lọc những mặt hàng có nhiều lợi thế, chú trọng phát triển mạnh thị trường xuất khẩu và tập trung ưu tiên mọi nguồn lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

➤ Công tác sản xuất

IMECO đã luôn tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các công trình đang thi công dở dang của năm 2017 cũng như các hợp đồng ký kết trong năm 2018. Đẩy mạnh công tác nghiệm thu, quyết toán, xác nhận doanh thu, thu hồi vốn, kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công từng công trình để đảm bảo giao hàng đúng thời hạn quy định.

Trong quá trình sản xuất Công ty luôn quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất, thực hành tiết kiệm vật tư, chi phí, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị đúng quy định nhằm phát huy tốt công suất máy móc thiết bị, nhà xưởng để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-2008. Tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2 Chú trọng trong công tác nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

➤ Công tác kinh doanh, thị trường

IMECO thực hiện chính sách tổ chức tốt công tác dự báo thị trường để xây dựng kế hoạch, định hướng kinh doanh hợp lý và hiệu quả. Luôn bám sát thực tiễn kinh doanh của Công ty để kịp thời điều chỉnh, bổ sung chính sách kinh doanh và kế hoạch tài chính cho phù hợp. Đặc biệt, chú ý đến thời gian giao hàng nhằm đảm bảo doanh thu, tăng vòng quay vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn.

Ngoài ra, Công ty luôn xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng truyền thống, nhà cung cấp cũ cũng như tìm kiếm nhà cung cấp mới để tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh luôn được ổn định. IMECO đã quản lý tốt hoạt động mua hàng của công ty bằng cách tìm nguồn cung cấp nguyên liệu, dịch vụ giá thấp nhưng có chất lượng tốt.

Tăng cường công tác xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài để quảng bá thương hiệu ra quốc tế. Xây dựng thương hiệu trong nước gắn liền với thành công của thị trường xuất khẩu như: Đức, Đan Mạch, Anh, Mỹ, ..., khai thác tốt thị trường hiện có cũng như nỗ lực đàm phán để mở thêm thị trường mới.

Chú trọng công tác thị trường, tích cực tìm kiếm khách hàng mới trong nước cũng như ngoài nước để đảm bảo cho sản xuất ổn định.

➤ Công tác đầu tư

Đẩy nhanh tiến độ công tác đầu tư để chuẩn bị cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong thời gian sắp tới, từ đó phấn đấu thực hiện thành công kế hoạch hoạt động năm. Xây dựng kế hoạch đầu tư có hiệu quả, tập trung vào những công việc cần thiết trước mắt và hạn chế đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp.

Do năm 2017 kế hoạch đầu tư chưa thực hiện nên năm 2018 công ty tiếp tục thực hiện đầu tư theo danh mục máy móc thiết bị năm 2017 đã xây dựng.



➤ Các hoạt động khác

Đưa ra những chính sách triển khai, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động để thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chủ yếu như: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận tối thiểu phải đạt bằng hoặc cao hơn kế hoạch đề.

Luôn chú trọng vào công tác an toàn và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động. Duy trì tốt các công tác phong trào, đoàn thể, cộng đồng, an sinh xã hội, v.v...

Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quy hoạch, lựa chọn, đào tạo và tuyển dụng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty. Tổ chức những buổi đào tạo cho CB.CNV tham gia để tăng thêm trình độ chuyên môn.

Với tinh thần vượt khó, có trách nhiệm trong công việc, luôn phấn đấu với những kế hoạch được đặt ra, toàn thể CBCNV IMECO sẽ phấn đấu để hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2018 đề ra.

GIẢI TRÌNH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

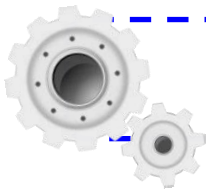
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến khác.



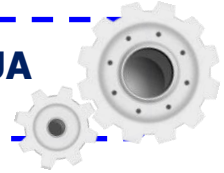


BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty**
- 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**
- 3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**

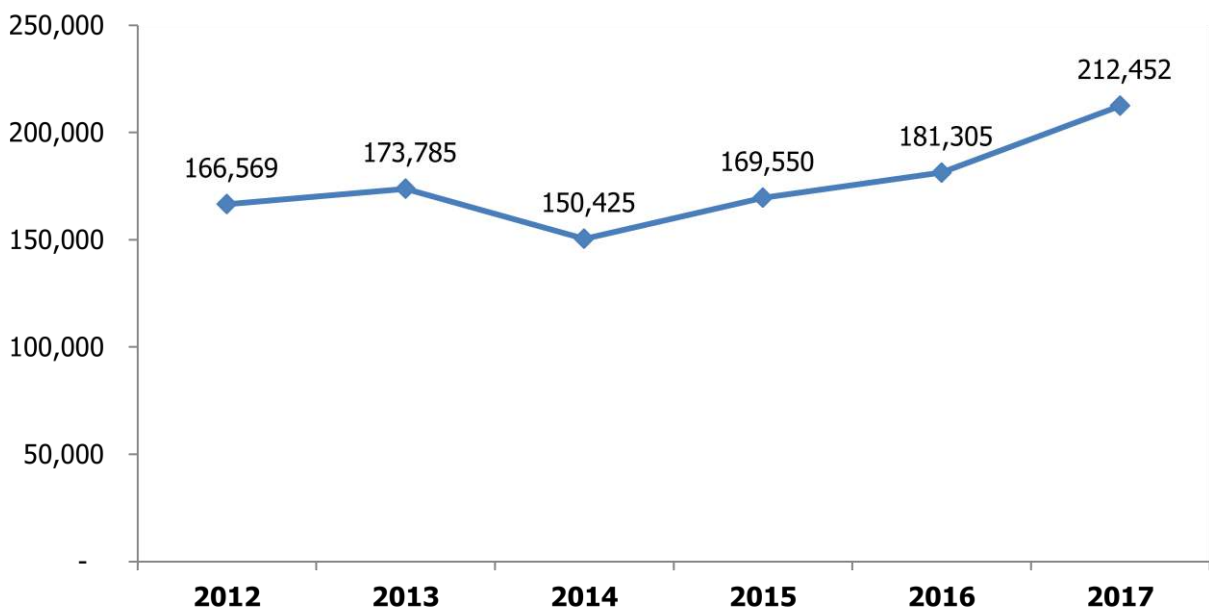


ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Năm | Năm | Năm | Năm | Năm | Năm |
|----|----------------------------------|------------|---------|---------|---------|---------|---------|---------|
| | | | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 |
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 166.569 | 173.785 | 150.425 | 169.550 | 181.305 | 212.452 |
| | - Doanh thu xuất khẩu | Triệu đồng | 126.370 | 138.191 | 126.754 | 117.875 | 163.257 | 188.374 |
| | - Doanh thu nội địa | Triệu đồng | 39.160 | 34.824 | 23.412 | 50.550 | 17.546 | 23.580 |
| | - Doanh thu HĐTC | Triệu đồng | 1.039 | 770 | 259 | 1.125 | 502 | 497 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 12.320 | 13.464 | 13.536 | 13.849 | 14.146 | 12.68 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 9.794 | 10.088 | 10.331 | 10.857 | 11.146 | 10.12 |
| 4 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 15 | 16 | 17 | 37 | 17 | 15 |
| 5 | Thu nhập bình quân (người/tháng) | 1.000đ | 6.900 | 7.557 | 8.165 | 9.300 | 10.800 | 11.011 |

Biến động doanh thu qua các năm (Tỷ đồng)





Trong năm 2017, bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Tuy nhiên chính sách thương mại của một số nước lớn đang là những thách thức đối với kinh tế nước ta. Ở trong nước, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, sự sụt giảm của ngành khai khoáng, thiên tai, bão lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017 của cả nước.

Về phía đội ngũ CBCNV của Công ty năm qua đã làm việc rất năng suất, đoàn kết, luôn nỗ lực trong sản xuất kinh doanh để đạt được kế hoạch đề ra cũng như đáp ứng một cách tốt nhất đơn hàng của khách hàng

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2017, Tổng Giám đốc và các cán bộ điều hành đã hoàn thành việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- ✓ Đảm bảo đạt được một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- ✓ Tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ, cũng như các quyết định mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018 kinh tế trong nước tiếp tục bảo đảm nền kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện các đột phá chiến lược, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển hiệu quả thị trường khoa học công nghệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã kiểu mới. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, giữ môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

Năm 2018, Công ty sẽ còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên với truyền thống và năng lực Công ty gần 40 năm qua, Hội đồng quản trị tin tưởng khả năng của Ban điều hành và nhất trí thông qua bản kế hoạch SXKD năm 2018 do Tổng Giám đốc xây dựng.

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất chương trình hoạt động năm 2018 như sau:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 một cách có hiệu quả, nhằm duy trì đội ngũ sản xuất có tay nghề giỏi, tạo sự đột phá mới trong hoạt động sản xuất để Công ty phát triển bền vững.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.
- Kiện toàn bộ máy quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng các biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí trong SXKD, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích.
- Chú trọng công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường trong và ngoài nước
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục duy trì họp HĐQT định kỳ hàng quý theo quy định và các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT để thực hiện công tác quản trị Công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2018.

| STT | CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2017 | Kế hoạch năm 2018 | So sánh (%) |
|-----|-------------------------------|-------------|--------------------|-------------------|--------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 212.453 | 180.475 | 84,94 |
| | <i>Trong đó: Doanh thu XK</i> | Triệu đồng | <i>188.375</i> | <i>159.250</i> | <i>84,53</i> |
| 2 | Số phải nộp NSNN | Triệu đồng | 5.298 | 5.197 | 98,09 |
| 3 | Tổng quỹ lương thực trả | Triệu đồng | 48.931 | 50.500 | 103,20 |
| 4 | Lao động bình quân | Người | 390 | 370 | 94,87 |
| 5 | Thu nhập b/q (ng/th) | 1.000đ | 11.011 | 11.940 | 108,43 |
| 6 | Tổng vốn đầu tư | Triệu đồng | 603 | 5.000 | 829,18 |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 12.675 | 12.850 | 101,38 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 10.117 | 10.280 | 101,61 |
| 9 | Tỷ suất LNST/VĐL | % | 28,10 | 28,55 | 101,60 |





BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp hình thành và phát triển trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, tự nguyện các cổ đông cùng nhau góp vốn cùng chia sẻ lợi nhuận, cũng như cùng chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trên số vốn đã đầu tư. IMECO hoạt động với mục tiêu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép nhằm tối đa hóa lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế.

IMECO luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật, cho đến nay những thành công có được của Công ty đều nhờ các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên năng động, chuyên nghiệp; cũng như không ngừng gia tăng dịch vụ sử dụng, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

Những năm qua, Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó, mặc dù còn gặp phải những khó khăn nhất định nhưng IMECO đã luôn nỗ lực phấn đấu. Năm 2017, kết quả kinh doanh tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông. Ban lãnh đạo cùng các cán bộ công nhân viên đã luôn cố gắng nỗ lực không ngừng hoàn thành các kế hoạch đề ra. Kết quả kinh doanh những năm gần đây là minh chứng cho sự nỗ lực đó.

| Tiêu chí | Giá trị mang lại trong năm 2017 |
|-------------------|---|
| Kết quả hoạt động | Doanh thu thuần: 211,954 tỷ đồng; LNST 10,117 tỷ đồng |
| Cổ đông | Cổ tức năm 2016 được chi trả bằng tiền mặt với tỷ lệ 17% |
| Nộp ngân sách | Tổng khoản nộp ngân sách năm 2017 bằng 5,298 tỷ đồng |
| Người lao động | Mức thu nhập bình quân 2017 là 11,01 triệu đồng/người/tháng |



VỀ XÃ HỘI

Chính sách liên quan đến người lao động

Tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Ngoài ra, chính sách với người lao động luôn được ban lãnh đạo công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc, đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động theo "Thỏa ước lao động tập thể" hàng năm đã được ký kết giữa chính quyền với Công đoàn. Kết quả là thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao.

IMECO luôn đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, có việc làm ổn định, được công ty mua BHXH, BHYT, BHTN và bảo hiểm tai nạn đầy đủ theo quy định của pháp luật. Các chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật được công ty chăm lo đầy đủ cho người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn cho những người lao động ốm đau, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn.

Trong năm, công ty đã thực hiện đào tạo cấp chứng chỉ nghề, thi nâng bậc cho công nhân, đào tạo huấn luyện An toàn lao động, phong cháy chữa cháy và sơ cấp cứu cho toàn bộ công nhân. Đồng thời, chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bằng hiện vật, tổ chức các hoạt động ngoài trời để tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đi song song với chính sách phúc lợi cho CB.CNV của mình thì công tác xã hội, cộng đồng cũng được IMECO chú trọng và thực hiện tốt: Hàng năm công ty trích một phần kinh phí từ quỹ phúc lợi và vận động toàn thể CBCNV trích một khoản tiền lương để lập quỹ ủng hộ cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ quỹ vì người nghèo; ủng hộ thiên tai bão lụt miền Trung, hỗ trợ cho công nhân viên công ty có nhà ở trong vùng bị bão lũ...v.v





VỀ MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối môi trường trong quá trình sản xuất thông qua các công tác kiểm tra giám sát, của cơ quan chức năng để sớm có những biện pháp khắc phục kịp thời khi có bất kỳ chỉ tiêu nào vượt mức. IMECO luôn thực hiện xử lý chất thải công nghiệp theo quy định, tiết kiệm nguồn năng lượng trong sản xuất.

Trong quá trình sản xuất của IMECO, việc quản lý nguyên vật liệu là công tác cần thiết đối với các doanh nghiệp sản xuất. Do đó, với trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi, mức độ và phương pháp quản lý nguyên vật liệu có sự khác nhau so với các doanh nghiệp, IMECO đã tiến đến mục tiêu với cùng một khối lượng nguyên vật liệu có thể sản xuất ra nhiều sản phẩm nhất thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Trong những năm qua, công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty được đánh giá tốt, các bộ phận nghiệp vụ liên quan đã đạt được sự hiệu quả từ công tác thu mua đến quản lý sử dụng, hạn chế được sự thất thoát và tiết kiệm chi phí hoạt động.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguồn năng lượng mà công ty sử dụng chủ yếu là điện và nước. Về nguồn nước, công ty đang sử dụng nước từ Nhà máy đóng tại địa bàn Thủ Đức do Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức cung cấp, đối với trụ sở chính tại địa bàn quận 12 công ty chủ yếu sử dụng nguồn nước giếng. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, IMECO luôn chú ý đề ra các mục tiêu sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động.

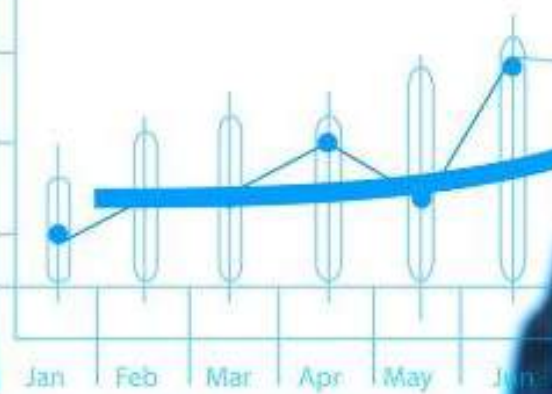




Manufacturing
Supply chain
Product
Cargo
Customer
Delivery
Inventory
Management
Freight



100000
10000
8000



ation
ing
on
ting
sis



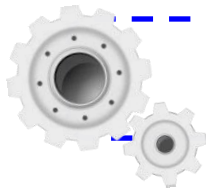
ss
gement



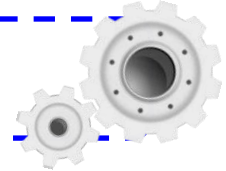


QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị**
- 2. Hoạt động của Ban kiểm soát**
- 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích**



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Các tiểu ban thuộc HĐQT

Không có

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã có 3 cuộc họp với các nội dung sau:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|------------------------|----------------------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Ông Đoàn Minh Toàn | Chủ tịch nhiệm kỳ 3 | 3/3 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Thành Trung | Thành viên nhiệm kỳ 2 và 3 | 3/3 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên | 3/3 | 100% | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Loan | Thành viên nhiệm kỳ 3 | 3/3 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Ngọc Hạnh | Thành viên nhiệm kỳ 3 | 3/3 | 100% | |

- ✓ Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty trong việc lập và thực hiện chương trình công tác của năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của HĐQT và đáp ứng kịp thời yêu cầu phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty cần được HĐQT phê chuẩn.
- ✓ Các thành viên HĐQT đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện các Quy chế nội bộ của Công ty, cùng HĐQT quản lý và giám sát hoạt động điều hành kinh doanh của Ban điều hành.
- ✓ Hội đồng quản trị đã thực hiện việc lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Bộ máy điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và của Hội đồng quản trị.
- ✓ Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất, đồng thuận của tất cả các thành viên.
- ✓ Giám sát công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định của Luật chứng khoán.

Trong năm 2017, Công ty có các nghị quyết và quyết định sau:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 1 | 36/QĐ-HĐQT | 23/2/2017 | Bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc điều hành Kỹ thuật |
| 2 | 59/QĐ-HĐQT | 27/3/2017 | Chia cổ tức năm 2016 và dự kiến ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017 |
| 3 | 82/QĐ-HĐQT | 18/4/2017 | Đề cử nhận sự đề bầu bổ sung thành viên HĐQT |
| 4 | 86/QĐ-HĐQT | 18/4/2017 | Thông qua tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2017 |
| 5 | 93/QĐ-HĐQT | 24/4/2017 | Thay đổi ngày họp ĐHCĐ thường niên năm 2017 |
| 6 | 112/NQ-HĐQT | 13/5/2017 | Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 |
| | | | <p>1. Thông qua báo cáo thực hiện SXKD năm 2016 và kế hoạch SXKD năm 2017</p> <p>2. Thông qua Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2016 và phương hướng hoạt động năm 2017</p> <p>3. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2016</p> <p>4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 của công ty cổ phần và cơ khí xây lắp Công nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt</p> <p>5. Thông qua chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 cho IMECO.</p> <p>6. Thông qua việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2016</p> <p>7. Thông qua kế hoạch phân phối lại lợi nhuận năm 2017</p> <p>8. Thông qua phê duyệt thù lao của HĐQT, BKS</p> <p>9. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị IMECO nhiệm kỳ 2016- 2021 đối với ông Trần Đức Hòa. Bầu bổ sung ông Nguyễn Thanh Liêm làm thành viên HĐQT IMECO nhiệm kỳ 2016-2021</p> <p>10. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký</p> |
| 7 | 178/QĐ-HĐQT | 14/10/2017 | Cho thuê nhà xưởng không sử dụng |
| 8 | 187/QĐ-HĐQT | 30/10/2017 | Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng |
| 9 | 209/QĐ-HĐQT | 30/11/2017 | Cho thuê tài sản không sử dụng |
| 10 | 221/NQ-HĐQT | 29/12/2017 | Nghị quyết họp HĐQT ngày 29/12/2017 |
| | | | <p>1. Thông qua báo cáo ước thực hiện SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018</p> <p>2. Thông qua ghi nhận việc Tổng Giám đốc xin thôi không đảm nhận vị trí Tổng Giám đốc trong nhiệm kỳ tới. HĐQT sẽ họp và có hướng giải quyết trong thời gian sớm nhất.</p> |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 11 | 131/NQ-HDQT | 20/6/2017 | Nghị quyết họp HĐQT ngày 20/6/2017 |
| | | | <p>Thông qua báo cáo thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch quý 3/2017</p> <p>2. Thông qua nhiệm vụ của ông Nguyễn Thanh Liêm thành viên HĐQT thường trực thay cho ông Trần Đức Hòa như sau: Chịu trách nhiệm xem xét các tờ trình và hợp đồng kinh tế (theo phân cấp của HĐQT) trước khi đưa ra HĐQT phê duyệt, chịu trách nhiệm giám sát về công tác tài chính, tài sản của công ty.</p> <p>3. Thông qua những công việc Ban điều hành IMECO cần phải làm trong thời gian tới như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, lập báo cáo đề xuất trình HĐQT về định hướng chiến lược xây dựng sản phẩm chủ lực, phát triển thị trường nội địa và đẩy mạnh thị trường xuất khẩu hơn nữa. - rà soát, cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy chế, quy trình, quy định, thủ tục cho phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật hiện hành. - Lên phương án xây dựng thương hiệu (thông qua việc nâng cấp trang thông tin điện nâng cấp trang thông tin điện tử của Công ty,...) - Xem xét định hướng công việc, bố trí nhân sự, sắp xếp lại công việc cho phù hợp. |
| 12 | 171/NQ-HDQT | 29/09/2017 | Nghị quyết họp HĐQT ngày 29/09/2017 |
| | | | 1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện SXKD Quý 3/2017 và Ban điều hành chủ động, quyết tâm tìm kiếm đơn hàng đảm bảo hoạt động trong Quý 4/2017, gối đầu năm sau. |
| | | | 2. Thông qua giao nhiệm vụ cho ông Ngô Hồng Sơn - Giám đốc điều hành Kỹ thuật phụ trách việc sửa đổi trang thông tin điện tử của Công ty trình Tổng Giám đốc phê duyệt và báo cáo việc thực hiện cho HĐQT trước ngày 31/12/2017 |
| | | | 3. Thông qua giao nhiệm vụ cho bà Nguyễn Thị Loan - Giám đốc điều hành Hành chính - Nhân sự làm tổ trưởng tổ soạn thảo sửa đổi các quy chế, quy định và nhân sự của Công ty trình HĐQT IMECO phê duyệt trước ngày 31/12/2017 |
| | | | 4. Thông qua bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Long Châu có thời hạn một năm kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017 |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty: Không có





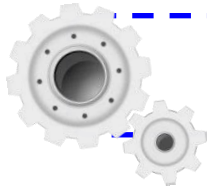
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



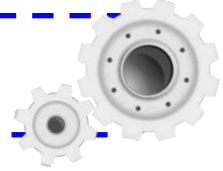
Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- ✓ Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.
- ✓ Kiểm soát trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ✓ Kiểm soát Báo cáo tài chính: giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm đảm bảo tính trung thực và hợp lý trong việc ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kiểm soát chi phí và thực hiện công tác đầu tư; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- ✓ Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các Quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành của Công ty, tuân thủ pháp luật và phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung về công tác SXKD, hoạt động đầu tư, xây dựng kế hoạch và một số công tác khác của Công ty.
- ✓ Thành viên Ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi các kiến thức, kinh nghiệm trong công việc, đặc biệt là kiến thức liên quan đến việc quản trị công ty, các kỹ năng kiểm tra giám sát các hoạt động của doanh nghiệp. Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng tập huấn chuyên đề về quản lý tài chính, kế toán, chính sách thuế nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định của nhà nước.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH



Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

Năm 2017, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

Hội đồng quản trị

- Chủ tịch : 90.000.000 đồng/năm
- Thành viên : 54.000.000 đồng/năm

Ban kiểm soát

- Trưởng ban : 54.000.000 đồng/năm
- Thành viên : 36.000.000 đồng/năm

Ngoài ra, lương thưởng của Ban Điều hành cũng được thực hiện theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty với tổng giá trị trong năm bằng 4.093.204.728 đồng.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Việc quản trị công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các thông lệ tốt mà Công ty cho rằng phù hợp với tình hình thực tiễn của mình.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.









BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| Bản thuyết minh Báo cáo tài chính | 9 – 27 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lập Công Nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát

Công ty Cổ Phần Cơ Khí và Xây Lập Công Nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

| | |
|------------------------|-----------------------------|
| Ông Đoàn Minh Toàn | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thành Trung | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Hạnh | Thành viên |
| Ông Trần Đức Hòa | Thành viên (đến 13/05/2017) |
| Ông Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên (từ 13/05/2017) |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-------------------------|--------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Liêm | Tổng Giám đốc (từ 11/02/2018) |
| Ông Nguyễn Thành Trung | Tổng Giám đốc (đến 10/02/2018) |
| Bà Nguyễn Thị Loan | Giám đốc điều hành |
| Ông Đặng Anh Tuấn | Giám đốc điều hành |
| Ông Ngô Hồng Sơn | Giám đốc điều hành |
| Bà Nguyễn Thị Long Châu | Kế toán trưởng |

Ban kiểm soát

| | |
|--------------------|------------|
| Ông Nguyễn Văn Sơn | Trưởng ban |
| Bà Vũ Thanh Phương | Thành viên |
| Ông Đinh Văn Hạnh | Thành viên |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lập Công Nghiệp phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đoàn Minh Toàn
Chủ tịch

Ngày 10 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Liêm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp, được lập ngày 10/03/2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ Khí và Xây Lắp Công Nghiệp tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

CÔNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Nguyễn Thị Lan

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0167-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2018

Kiểm toán viên



Nguyễn Anh Tuấn

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 68.575.869.893 | 159.145.627.569 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 26.157.590.178 | 16.121.351.903 |
| 1. Tiền | 111 | | 26.157.590.178 | 16.121.351.903 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 4.089.690.915 | 35.690.517.061 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 3.399.260.966 | 34.237.556.385 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 19.000.000 | 881.912.571 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 671.429.949 | 571.048.105 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | V.5 | 27.844.423.766 | 100.237.272.999 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 27.844.423.766 | 100.237.272.999 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10.484.165.034 | 7.096.485.606 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6a | 573.389.517 | 891.172.465 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.743.855.178 | 3.613.564.568 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | V.11b | 2.166.920.339 | 2.591.748.573 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 10.303.680.018 | 14.167.025.362 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 10.303.680.018 | 14.062.560.362 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 10.303.680.018 | 14.027.838.139 |
| - Nguyên giá | 222 | | 73.444.856.097 | 72.841.758.915 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (63.141.176.079) | (58.813.920.776) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | - | 34.722.223 |
| - Nguyên giá | 228 | | 855.948.500 | 855.948.500 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (855.948.500) | (821.226.277) |
| II. Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | 104.465.000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | - | 104.465.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 78.879.549.911 | 173.312.652.931 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 30.249.013.712 | 124.908.763.067 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 27.980.779.506 | 121.910.184.170 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.9 | 2.973.751.117 | 8.712.795.219 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.10 | 15.866.616.495 | 89.278.192.874 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11a | 897.819.944 | 1.003.130.004 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 4.702.860.259 | 12.505.894.982 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | 2.300.000 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.12 | - | 5.668.067.005 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 432.120.355 | 908.749.587 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 3.107.611.336 | 3.831.054.499 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.268.234.206 | 2.998.578.897 |
| 1. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.14 | 2.268.234.206 | 2.998.578.897 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 48.630.536.199 | 48.403.889.864 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 48.630.536.199 | 48.403.889.864 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 35.999.480.000 | 35.999.480.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 35.999.480.000 | 35.999.480.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 6.153.717.823 | 5.141.992.759 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 6.477.338.376 | 7.262.417.105 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 1.142.505.505 | 2.194.232.917 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5.334.832.871 | 5.068.184.188 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 78.879.549.911 | 173.312.652.931 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc

Nguyễn Thị Quý

Nguyễn Thị Long Châu

Nguyễn Thanh Liêm

Ngày 10 tháng 03 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 211.954.679.357 | 180.803.252.908 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 211.954.679.357 | 180.803.252.908 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 180.724.884.633 | 149.595.573.534 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 31.229.794.724 | 31.207.679.374 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 497.588.204 | 501.856.662 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 108.788.241 | 58.040.657 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | 58.040.657 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 2.980.717.490 | (1.122.898.341) |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 16.686.720.631 | 18.810.524.052 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 11.951.156.566 | 13.963.869.668 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 724.103.805 | 377.320.638 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | - | 194.905.693 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 724.103.805 | 182.414.945 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 12.675.260.371 | 14.146.284.613 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 2.558.009.722 | 2.999.631.625 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 10.117.250.649 | 11.146.652.988 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.763 | 1.872 |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quý

Ngày 10 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Liêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ | 01 | 162.889.453.171 | 156.468.848.552 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | (86.469.401.374) | (86.541.742.589) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (50.075.959.723) | (48.744.259.180) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | - | (58.040.657) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (2.670.010.549) | (4.653.469.472) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 424.828.234 | - |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (7.345.362.611) | (2.344.440.737) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 16.753.547.148 | 14.126.895.917 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (603.097.182) | (3.652.122.321) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | - | 148.909.091 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia | 27 | 458.610.449 | 105.825.057 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (144.486.733) | (3.397.388.173) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | 7.303.013.744 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | (7.303.013.744) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (6.572.822.140) | (13.143.543.130) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (6.572.822.140) | (13.143.543.130) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 10.036.238.275 | (2.414.035.386) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 16.121.351.903 | 18.535.387.289 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 26.157.590.178 | 16.121.351.903 |

Người lập-biểu

Nguyễn Thị Quý

Ngày 10 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Liêm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Cơ Khí và Xây Lập Công Nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|------------------------------|-----------|
| - Nhà xưởng và vật kiến trúc | 10-20 năm |
| - Máy móc thiết bị | 5-10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 6-10 năm |
| - Thiết bị quản lý | 3-5 năm |
| - Phần mềm quản lý | 3 năm |

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước, chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 226.693.993 | 272.409.484 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 9.710.896.185 | 15.848.942.419 |
| Các khoản tương đương tiền | 16.220.000.000 | - |
| Cộng | 26.157.590.178 | 16.121.351.903 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| AAF International LTD | 1.116.669.420 | 8.098.735.936 |
| Nem Power Systems | 668.034.330 | 19.742.183.525 |
| Andrizt | 625.275.900 | - |
| Siemens Aktiengesellschaft | 659.337.316 | - |
| Phải thu khách hàng khác | 329.944.000 | 6.396.636.924 |
| Cộng | 3.399.260.966 | 34.237.556.385 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--------------------------------|-------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Ngôi Sao Biển | - | 269.427.451 |
| Công ty TNHH Hải Đông | - | 227.403.000 |
| Công ty TNHH Phương Nam Nguyên | - | 308.533.300 |
| Trả trước cho người bán khác | 19.000.000 | 76.548.820 |
| Cộng | 19.000.000 | 881.912.571 |

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 213.006.234 | 181.899.962 |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội | 210.401.418 | 256.467.945 |
| Phải thu khác | 248.022.297 | 132.680.198 |
| Cộng | 671.429.949 | 571.048.105 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|--|-----------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 8.444.370.568 | - | 17.009.235.195 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 743.718.918 | - | 898.679.423 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 18.656.334.280 | - | 82.329.358.381 | - |
| Cộng | 27.844.423.766 | - | 100.237.272.999 | - |

6. Chi phí trả trước

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| a) Chi phí trả trước ngắn hạn | 573.389.517 | 891.172.465 |
| Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 573.389.517 | 891.172.465 |
| b) Chi phí trả trước dài hạn | - | 104.465.000 |
| Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | - | 104.465.000 |
| Cộng | 573.389.517 | 995.637.465 |

CP
H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 17.073.467.083 | 50.745.730.574 | 4.400.845.213 | 621.716.045 | 72.841.758.915 |
| Số tăng trong năm | 570.379.000 | - | - | 32.718.182 | 603.097.182 |
| - Mua trong năm | 570.379.000 | - | - | 32.718.182 | 603.097.182 |
| Số giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 17.643.846.083 | 50.745.730.574 | 4.400.845.213 | 654.434.227 | 73.444.856.097 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 14.936.694.044 | 40.047.915.089 | 3.561.385.473 | 267.926.170 | 58.813.920.776 |
| Số tăng trong năm | 772.808.416 | 2.966.944.403 | 444.915.960 | 142.586.524 | 4.327.255.303 |
| - Khấu hao trong năm | 772.808.416 | 2.966.944.403 | 444.915.960 | 142.586.524 | 4.327.255.303 |
| Số giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 15.709.502.460 | 43.014.859.492 | 4.006.301.433 | 410.512.694 | 63.141.176.079 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 2.136.773.039 | 10.697.815.485 | 839.459.740 | 353.789.875 | 14.027.838.139 |
| Tại ngày cuối năm | 1.934.343.623 | 7.730.871.082 | 394.543.780 | 243.921.533 | 10.303.680.018 |

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 50.831.658.407 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 45.057.138.177 đồng)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Đơn vị tính: VND | |
|-------------------------------|------------------------------|--------------------|
| | Phần mềm máy tính | |
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu năm | | 855.948.500 |
| Số tăng trong năm | | - |
| Số giảm trong năm | | - |
| Số dư cuối năm | | 855.948.500 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu năm | | 821.226.277 |
| Khấu hao trong năm | | 34.722.223 |
| Số giảm trong năm | | - |
| Số dư cuối năm | | 855.948.500 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày đầu năm | | 34.722.223 |
| Tại ngày cuối năm | | - |

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Nam Hòa | 1.208.473.676 | 666.860.494 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Tiên Lên | - | 2.156.070.299 |
| Công ty Cổ phần Thép Toàn Thắng | - | 1.229.830.517 |
| Công ty TNHH Thương mại thép Nam Việt | 90.051.952 | 1.041.988.517 |
| Phải trả người bán khác | 1.675.225.489 | 3.618.045.392 |
| Cộng | 2.973.751.117 | 8.712.795.219 |

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| ANDRITZ | 155.585.934 | 6.537.890.374 |
| AAF (Wuhan) Co,LTD | 8.357.597.567 | 8.870.485.556 |
| Joint Venture SRBG-VNG ANS | - | 3.892.694.879 |
| Nem Power Systems | 6.328.330.306 | 65.869.722.065 |
| CT TNHH Yokohama Tyre Việt Nam | - | 4.107.400.000 |
| Người mua trả tiền trước khác | 1.025.102.688 | - |
| Cộng | 15.866.616.495 | 89.278.192.874 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

| | 01/01/2017 | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | 31/12/2017 |
|-------------------------------|----------------------|--------------------------|-----------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Thuế phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 229.592.270 | 229.592.270 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 834.382.374 | 2.558.009.722 | 2.670.010.549 | 722.381.547 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 168.747.630 | 833.613.224 | 826.922.457 | 175.438.397 |
| Thuế nhà đất và tiền thuê đất | - | 1.672.903.757 | 1.672.903.757 | - |
| Các loại thuế khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Cộng | 1.003.130.004 | 5.298.118.973 | 5.403.429.033 | 897.819.944 |
| | | | | |
| b) Thuế phải thu | | | | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 2.591.748.573 | 424.828.234 | - | 2.166.920.339 |
| Cộng | 2.591.748.573 | 424.828.234 | - | 2.166.920.339 |

12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|---|------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu chưa thực hiện bán thành phẩm | - | 5.668.067.005 |
| Cộng | - | 5.668.067.005 |

13. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Kinh phí công đoàn | 333.770.167 | 328.396.677 |
| Cổ tức phải trả | 43.786.165 | 496.696.705 |
| Phải trả về cổ phần hóa | - | 15.966.400 |
| Phải trả khác | 54.564.023 | 67.689.805 |
| Cộng | 432.120.355 | 908.749.587 |

14. Dự phòng phải trả dài hạn

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng bảo hành sản phẩm | 2.268.234.206 | 2.998.578.897 |
| Cộng | 2.268.234.206 | 2.998.578.897 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
15. Vốn chủ sở hữu

| a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu | Đơn vị tính: VND | | | |
|--|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
| Số dư đầu năm trước | 35.999.480.000 | 3.469.994.811 | 2.194.232.917 | 41.663.707.728 |
| Lãi trong năm trước | | | 11.146.652.988 | 11.146.652.988 |
| Tạm trích các quỹ năm 2016 | | 1.671.997.948 | (5.573.326.494) | (3.901.328.546) |
| Thù lao HĐQT và BKS năm 2016 | | | (432.000.000) | (432.000.000) |
| Chi thường vượt kế hoạch 2016 | | | (73.142.306) | (73.142.306) |
| Số dư cuối năm trước | 35.999.480.000 | 5.141.992.759 | 7.262.417.105 | 48.403.889.864 |
| Lãi trong năm nay | | | 10.117.250.649 | 10.117.250.649 |
| Chia cổ tức năm 2016 | | | (6.119.911.600) | (6.119.911.600) |
| Tạm trích các quỹ năm 2017 | | 1.011.725.064 | (4.350.417.778) | (3.338.692.714) |
| Thù lao HĐQT và BKS năm 2017 | | | (432.000.000) | (432.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 35.999.480.000 | 6.153.717.823 | 6.477.338.376 | 48.630.536.199 |

Ghi chú: Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết số 111/NQ-DHCD ngày 13/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31/12/2017 | % | 01/01/2017 | % |
|--------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| | VND | | VND | |
| Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco | 9.360.000.000 | 26 | 9.360.000.000 | 26 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 26.639.480.000 | 74 | 26.639.480.000 | 74 |
| Cộng | 35.999.480.000 | 100 | 35.999.480.000 | 100 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 35.999.480.000 | 35.999.480.000 |
| Vốn góp cuối năm | 35.999.480.000 | 35.999.480.000 |
| Cổ tức đã chia | (6.119.911.600) | - |
| - Chia cổ tức năm nay | (6.119.911.600) | - |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.599.948 | 3.599.948 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.599.948 | 3.599.948 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.599.948 | 3.599.948 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.599.948 | 3.599.948 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 3.599.948 | 3.599.948 |
| - Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng | | |

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

| | 31/12/2017 | | 01/01/2017 | |
|---------------------|--------------|-------------|--------------|-------------|
| | Gốc ngoại tệ | VND | Gốc ngoại tệ | VND |
| Nợ khó đòi đã xử lý | | 969.869.450 | | 969.869.450 |
| Ngoại tệ các loại | | | | |
| + USD | 46.523,02 | | 371.459,94 | |
| + EUR | 2.202,40 | | 38.087,26 | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 211.954.679.357 | 180.803.252.908 |
| Doanh thu thuần bán thành phẩm | 211.083.250.920 | 178.707.449.635 |
| Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 871.428.437 | 2.095.803.273 |
| 2. Giá vốn hàng bán | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 179.988.089.930 | 147.924.645.112 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 736.794.703 | 1.670.928.422 |
| Cộng | 180.724.884.633 | 149.595.573.534 |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 458.610.449 | 105.825.057 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 38.977.755 | 396.031.605 |
| Cộng | 497.588.204 | 501.856.662 |
| 4. Chi phí tài chính | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Lãi tiền vay | - | 58.040.657 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 108.788.241 | - |
| Cộng | 108.788.241 | 58.040.657 |
| 5. Chi phí bán hàng | Năm nay VND | Năm trước VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 2.039.296.952 | - |
| Hoàn nhập dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm | (702.373.058) | (3.870.684.090) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.643.793.596 | 2.747.785.749 |
| Cộng | 2.980.717.490 | (1.122.898.341) |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 11.021.851.580 | 12.432.304.434 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ | 117.388.395 | 159.816.736 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 445.464.526 | 513.045.109 |
| Chi phí thuế, phí, lệ phí | 1.633.487.757 | 998.999.350 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.468.528.373 | 2.698.762.847 |
| Chi phí bằng tiền khác | - | 2.007.595.576 |
| Cộng | 16.686.720.631 | 18.810.524.052 |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Thu thanh lý tài sản cố định | - | 123.787.911 |
| Thu từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ | 666.470.454 | 253.532.727 |
| Thu nhập khác | 57.633.351 | - |
| Cộng | 724.103.805 | 377.320.638 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------|----------------|--------------------|
| Phạt hành chính | - | 109.129.898 |
| Chi phí khác | - | 85.775.795 |
| Cộng | - | 194.905.693 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.675.260.371 | 14.146.284.613 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm | 114.788.241 | (198.825.912) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 390.389.679 | 427.248.250 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 275.601.438 | 626.074.162 |
| Tổng lợi nhuận tính thuế | 12.790.048.612 | 13.947.458.701 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>2.558.009.722</u> | <u>2.789.491.740</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo cơ quan thuế | - | 210.139.885 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>2.558.009.722</u> | <u>2.999.631.625</u> |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.117.250.649 | 11.146.652.988 |
| Các khoản điều chỉnh | (3.770.692.714) | (4.406.470.852) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (3.770.692.714) | (4.406.470.852) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 6.346.557.935 | 6.740.182.136 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 3.599.948 | 3.599.948 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>1.763</u> | <u>1.872</u> |

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 136.269.871.999 | 99.898.075.038 |
| Chi phí nhân công | 48.142.957.266 | 50.331.336.686 |
| - Tiền lương và các khoản phụ cấp | 42.272.925.000 | 44.118.100.000 |
| - BHXH, BHYT, KPCĐ | 5.870.032.266 | 6.213.236.686 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.361.977.526 | 4.210.258.492 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.155.375.963 | 16.326.971.581 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.462.140.000 | 1.910.687.000 |
| Cộng | <u>200.392.322.754</u> | <u>172.677.328.797</u> |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến nay lập báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quý

Ngày 10 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Liêm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2016 và vào ngày 31/12/2017. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2016 và vào ngày 31/12/2017.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm | Cộng |
|--------------------|------------------------|-------------|---------------|
| Số cuối năm | 3.072.101.305 | - | 3.072.101.305 |
| Phải trả người bán | 2.973.751.117 | - | 2.973.751.117 |
| Chi phí phải trả | - | - | - |
| Phải trả khác | 98.350.188 | - | 98.350.188 |
| Số đầu năm | 9.295.448.129 | - | 9.295.448.129 |
| Phải trả người bán | 8.712.795.219 | - | 8.712.795.219 |
| Chi phí phải trả | 2.300.000 | - | 2.300.000 |
| Phải trả khác | 580.352.910 | - | 580.352.910 |

213
CÔNG
NHIỆM
H VỤ
HÌNH
KIỂM
NAM V
TP. H



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------|----------------|------------------|
| Lương, thưởng | 4.093.204.728 | 4.442.741.996 |
| Thù lao | 432.000.000 | 432.000.000 |

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu tập trung vào nhóm sản xuất thiết bị cơ khí, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND | 31/12/2017 VND | 01/01/2017 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 26.157.590.178 | 16.121.351.903 | 26.157.590.178 | 16.121.351.903 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 3.857.684.681 | 34.626.704.528 | 3.857.684.681 | 34.626.704.528 |
| Cộng | 30.015.274.859 | 50.748.056.431 | 30.015.274.859 | 50.748.056.431 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Chi phí phải trả | - | 2.300.000 | - | 2.300.000 |
| Phải trả người bán | 2.973.751.117 | 8.712.795.219 | 2.973.751.117 | 8.712.795.219 |
| Phải trả khác | 98.350.188 | 580.352.910 | 98.350.188 | 580.352.910 |
| Cộng | 3.072.101.305 | 9.295.448.129 | 3.072.101.305 | 9.295.448.129 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

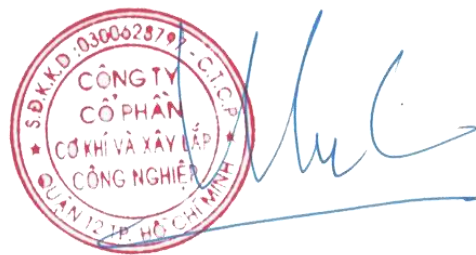


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP (IME)



TP. Hồ Chí Minh, Ngày 3 tháng 4 năm 2018 
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH



ĐOÀN MINH TOÀN